

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

TS. Đặng Công Huân

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Chủ tịch Hội đồng Biên tập

Bùi Ngọc Lam

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:

Ths. Nguyễn Thị Hoa

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

Ths. Đỗ Mạnh Hùng

Trần Đức Xuyên

TOÀ SOẠN:

ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội

Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn

Đường dây nóng: 091.863.5289

Phòng Trị sự:

ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065

E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com

Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069

Phòng Phóng viên & Biên tập:

ĐT: 080.49073

E-mail: tapchithanhtrabtt@gmail.com

Phòng Truyền thông và Phát hành:

ĐT: 080.49082 / 080.49070

Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com

Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:

ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân,

TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622

Email: tapchithanhtra496@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:

407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

BÌA 1: Chủ tịch Quốc hội và các thành

viên Đoàn công tác giám sát, kiểm tra

tại đơn vị bầu cử số 4 xã Lũng Cú,

huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang

ẢNH BÌA 1: TTXVN

THIẾT KẾ: Nguyễn Tạo

IN TẠI: Công ty TNHH In và Quảng

cáo Tân Thành Phát

NỘP LƯU CHIẾU: Tháng 5/2021

Ấn phẩm được phát hành qua ngành
Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu
điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

CHÍNH LUẬN



3 Nguyễn Thị Thu Hằng: Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1911- 1920: Từ người thanh niên yêu nước tiến bộ trở thành người chiến sỹ cộng sản quốc tế



6 TS. Lê Trung Kiên: Phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI



9 TS. Đinh Văn Minh: Bàn về chế định thanh tra nhân dân trong Luật Thanh tra

MỤC LỤC

11 TS. Nguyễn Văn Tuấn: Một số nội dung cơ bản của Dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi (Tiếp theo và hết)

15 Thanh tra tỉnh Kiên Giang: Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân



18 Thiếu tướng, TS. Lê Thanh Hải: Một số thay đổi trong tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân theo quy định của Nghị định số 25/2021/NĐ-CP



21 Ths. Phạm Tuấn Anh: Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, xử lý vi phạm trong đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

25 Hàn Anh Tuấn: Bản lĩnh chính trị của cán bộ thanh tra Công an nhân dân - Yếu tố quyết định đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng



28 Ths. Lê Văn Đức: Vai trò của đối tượng thanh tra trong hoạt động thanh tra



31 TS. Tăng Thị Thiệm - Ths. Lại Kim Dung: Một số sai phạm thường gặp khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành Luật Ngân sách Nhà nước tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước



34 Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệt: Hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay

▣ VĂN HÓA - XÃ HỘI

37 Nguyễn Văn Chiến: Thương nhớ mùa thi



38 Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh: Giữ núi

▣ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

41 K. Dung: Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo



43 Đỗ Quyên: Văn bản mới ban hành

▣ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

45 Đinh Lương Minh Anh: Tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan Thanh tra Cộng hòa Pháp



Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp ở Tua, tháng 12/1920

Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1911-1920:

Từ người thanh niên yêu nước tiến bộ trở thành người chiến sĩ cộng sản quốc tế

 Nguyễn Thị Thu Hằng

Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

» Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho Nhân dân. Cuộc đời và sự nghiệp vinh quang của Người đã góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Bằng thiên tài trí tuệ và sự khảo sát thực tiễn cách mạng thế giới, vượt qua hạn chế của các nhà yêu nước và chí sĩ tiền bối, Người đã sớm đến với Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong cuộc đời cách mạng của mình, giai đoạn 1911 - 1920, từ người thanh niên yêu nước tiến bộ ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người chiến sĩ cộng sản quốc tế.



1. Từ người thanh niên yêu nước tiên bộ ra đi tìm đường cứu nước

Khi còn là một thiếu niên, Nguyễn Tất Thành “đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh đã tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc” (1). Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh và Phan Bội Châu nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Cụ Phan Chu Trinh yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, chẳng khác gì đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau. Cụ Hoàng Hoa Thám thực tế hơn vì trực tiếp chống Pháp nhưng còn nặng cốt cách phong kiến. Cụ Phan Bội Châu muốn đưa anh sang Nhật nhưng anh không đi. Với tấm lòng yêu Tổ quốc, thương đồng bào của một trái tim đầy nhiệt huyết, tiên bộ “anh thấy rõ và quyết định con đường nên đi” (2).

Ngày 2/6/1911, Nguyễn Tất Thành xin việc làm ở tàu Latusơ Tôrêvin, một tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời cảng Sài Gòn đi Mácxây, Pháp. Ngày 3/6/1911, Nguyễn Tất Thành bắt đầu làm việc, nhận thẻ nhân viên với tên mới: Văn Ba. Ngày 5/6/1911, tàu nhỏ neo. Nguyễn Tất Thành rời đất nước, không phải là một thân sĩ mà chỉ là một người lao động bình thường với đôi bàn tay và nghị lực phi thường, ý chí mãnh liệt dẫn thân vào cuộc trường chinh gian lao để đi tìm hình bóng một Tổ quốc tự do của tương lai. Không dừng lại ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một tàu của hãng Sácgiơ Rêuyri đi vòng quanh Châu Phi, đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô; Đahômây, Xênegan, Rêuyriông...

Hành trình Châu Phi đã góp phần quan trọng cho sự trưởng thành về nhận thức của Nguyễn Tất Thành. Đến đâu anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Nguyễn Tất Thành

theo tàu tiếp tục đi qua Máctiních (Trung Mỹ), Urugoay và Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ cuối năm 1912. Tại đây, anh có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mỹ với bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng trong lịch sử. Anh vừa làm thuê kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống lao động ở Mỹ. Khoảng đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ về Lơ Havơơ, sau đó sang Anh, vừa lao động kiếm sống, vừa tìm hiểu, nghiên cứu tình hình chính trị, xã hội và hệ thống thuộc địa ở đó. Sống và lao động ở những nước tư bản phát triển, Nguyễn Tất Thành không choáng ngợp trước sự giàu có của giai cấp tư sản mà lại nhận thấy chế độ tư bản có nhiều khuyết tật.

Khi rời Tổ quốc, Nguyễn Tất Thành là người trai chí lớn nhưng vốn hiểu biết về thế giới còn hạn chế, chưa đủ nhận thức được đặc điểm, xu thế của thời đại. Vừa lao động kiếm sống, vừa học tập lý luận và từng bước tham gia hoạt động xã hội, chính trị, anh dần dần nhìn ra bối cảnh thế giới và tình hình cứu nước. Khoảng thời gian 7 năm khảo nghiệm khắp chân trời, góc biển, đi nhiều, chứng kiến nhiều, hòa vào cuộc sống lao động ở dưới đáy xã hội, thấu hiểu nỗi niềm của người lao khổ, Nguyễn Tất Thành ngày càng tiến bộ trước khi trưởng thành là người cộng sản chân chính.

2. ... Đến người chiến sĩ cộng sản quốc tế

Giữa lúc cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, tình hình Đông Dương đang có những biến động, vào khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp. Vừa hoạt động chính trị vừa kiếm sống một cách chật vật, khi thì làm thuê cho một hiệu ảnh, khi thì vẽ thuê cho một xưởng đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa, nhưng anh rất kiên trì, hăng say. Anh thường xuyên gặp gỡ những người Việt Nam ở Pháp có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Nguyễn Tất Thành cũng thường rải truyền đơn tố cáo tội ác của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam và từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân, lao động Pháp. Lúc này, Nguyễn Tất Thành ủng hộ Cách mạng

tháng Mười mới chỉ theo cảm tính tự nhiên chứ chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó và cũng chưa hề đọc quyển sách nào của Lênin. Khoảng đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành trở thành người Việt Nam đầu tiên tham gia vào Đảng Xã hội Pháp – một chính đảng ở Pháp bấy giờ. Đồng chí Misen Decsini nhớ việc Nguyễn Tất Thành đến với Đảng như sau: “Thời ấy, Nguyễn ăn mặc rất nghèo nàn nên khó mà đoán nổi tuổi anh... duy có cặp mắt rất sáng, thông minh, tia nhìn như lôi cuốn người đối diện” (3). Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại: “Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các “ông bà” ấy – hồi đó tôi gọi các đồng chí của tôi như thế - đã tỏ ra đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu” (4).

Ngày 18/6/1919, đại diện các nước đế quốc tham gia chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã tổ chức Hội nghị hòa bình ở Vécxây (Pháp). Thay mặt những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, người thanh niên yêu nước đã gửi đến hội nghị Bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điểm, ký tên Nguyễn Ái Quốc. Tên gọi Nguyễn Ái Quốc như một ánh sáng, một niềm hy vọng đã lóe sáng trong bầu trời đen thẳm. Tuy nhiên, Nguyễn Ái Quốc có đầy đủ kinh nghiệm để hiểu rằng việc trao bản yêu sách cho đế quốc khó lòng đạt được kết quả gì. Những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị tư bản trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

Trong thời gian đó, phong trào cộng sản quốc tế đã và đang có những thay đổi lớn lao. Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) ra đời, có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng thế giới. Năm 1920, cuộc đấu tranh giữa hai con đường diễn ra quyết liệt trong nhiều đảng công nhân và ngay trong Đảng Xã hội Pháp: Tiếp tục theo Quốc tế II tức là tiếp tục con đường cải lương hay đi theo Quốc tế III, con đường cách mạng. Sau này, tại Hà Nội, trong buổi nói chuyện với nữ văn sĩ I. Xten, người Đức,



Chủ tịch Hồ Chí Minh kể lại: “Năm 1919, lúc ở Pháp, tôi chưa biết một tí gì về lý luận cách mạng cả. Lúc đó tôi là một người Việt Nam yêu nước, có nghĩa là một người chống thực dân đầy nhiệt tình - chỉ có thể thôi. Tôi có quan hệ với các công đoàn Pháp và gia nhập Đảng Xã hội Pháp nhưng đối với tôi, toàn bộ lịch sử Quốc tế II và Quốc tế III là cả một chuyện rắc rối”⁽⁵⁾. Trong các cuộc họp, điều Nguyễn Ái Quốc muốn biết hơn cả là Quốc tế nào bên vực nhân dân các nước thuộc địa lại không được thảo luận. Khi nêu câu hỏi quan trọng nhất này, Người được trả lời: Đó là Quốc tế III và một đồng chí đã đưa Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin đăng trên Báo Nhân đạo. Những luận điểm cách mạng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Trong luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu, nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, Nguyễn Ái Quốc “cuối cùng cũng hiểu được phần chính”⁽⁶⁾. Từ ngày có Luận cương của Lê nin hoàn toàn soi sáng, cùng với sự giúp đỡ của các đồng chí Mácxen Casanh, Vayăng Cutuyariê, Môngmútô, trong các cuộc họp chi bộ Nguyễn Ái Quốc không còn “chỉ ngồi nghe người ta nói”, “cảm thấy người nào cũng có lý cả”, “không phân biệt được ai đúng ai sai”⁽⁷⁾ mà đã tham gia thảo luận sôi nổi, tiến công mạnh mẽ.

Niềm tin của Nguyễn Ái Quốc ở lý luận của Lênin về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản là cơ sở để Người xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội Tua tháng 12/1920 - đây cũng là sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội với tư cách là đại biểu chính thức, duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương và đã có bài phát biểu lên án sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp, gây chú ý tại phiên họp chiều ngày 26/12/1920. Đồng chí Jacques Duclos, một nhân vật quan trọng của Đảng Cộng sản Pháp viết trong Hồi ký: “Nhờ có động cơ yêu nước thiết tha người thanh niên ấy đã ngang nhiên nói lên những điều mình nghĩ, không ngại mất lòng ai”⁽⁸⁾. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế III. Từ phút ấy, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản. Là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đồng thời cũng là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Theo Jacques Duclos, “người thanh niên yêu nước thiết tha này hẳn có hy vọng tràn trề vào sự giúp đỡ quốc tế, vào tình nghĩa của tất cả những người đang làm cách mạng khắp hoàn cầu - những người này với bốn phận quốc tế sẽ giúp đỡ những dân tộc bị trị vùng lên”⁽⁹⁾.

Đại hội kết thúc, trở về với nghề rửa ảnh, với thư viện, với những buổi mít tinh, vẫn suốt ngày nghĩ đến Tổ quốc và suốt đêm mơ đến Tổ quốc mình nhưng lúc này tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc đã có sự thay đổi mang tính chất bước ngoặt. Từ một thanh niên yêu nước với tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Ái Quốc trở thành người cộng sản quốc tế mang lý tưởng giải phóng dân tộc và lý tưởng đoàn kết vô sản quốc tế trong một mặt trận chung để đi đến thắng lợi cuối cùng. Ông Hà Huy Giáp, nguyên Phó Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, nguyên Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh đã viết về sự gắn bó cao đẹp này: “Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ đầu đã nêu kiểu mẫu tuyệt đẹp của mối quan hệ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng, không mây may gọn một chút màu sắc vị kỷ dân tộc, sô vanh, kỳ thị. Đó cũng là kiểu mẫu của một người cộng sản có

VỀ THĂM QUÊ BÁC

Về thăm quê Bác làng Sen
 Thân thương nào khác mọi miền quê hương
 Tre xanh rủ bóng bên đường
 Hương sen thơm ngát vẫn vương sớm chiều
 Hồn quê mộc mạc bao nhiêu
 Mái nhà tranh với câu Kiều vẫn thơ
 Hàng cau từ thuở ấu thơ
 Nghe câu ví dặm Bác chờ trăng lên
 Về đây con cháu trăm miền
 Làng Sen quê Bác âm êm tháng ngày

Lê Hiếu Trung



lòng yêu nước chân chính triệt để bao nhiêu thì càng giàu tinh thần quốc tế vô sản bấy nhiêu và ngược lại, người cộng sản càng giàu tinh thần quốc tế vô sản bao nhiêu thì càng yêu nước mình, yêu dân tộc mình tha thiết bấy nhiêu. Hai tình yêu đó kết hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn đến mức hài hòa tự nhiên như là một điều gì thuộc về bản năng, bản chất con người Chủ tịch Hồ Chí Minh”⁽¹⁰⁾.

Chú thích:

- (1), (2) Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, NXB Văn học, Hà Nội, năm 1969, tr10;
 (3), (8), (9), (10) Thu Trang, Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917-1923), NXB Thông tin lý luận, năm 1989, tr58; tr139; tr141; tr 294;
 (4), (6), (7) Website Bảo tàng Hồ Chí Minh, <https://baotang-hochiminh.vn/con-duong-dan-toi-den-chu-nghia-lenin.htm>;
 (5) Website Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch <http://ditichhochiminhphuchutich.gov.vn/tu-do-cho-dong-bao-toi-doc-lap-cho-to-quoctoi-day-la-tat-ca-nhung-gi-toi-muontat-ca-nhung-dieu-toi-hieu-1-2882>.



Phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

 TS. Lê Trung Kiên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

1. Nhân dân là chủ và làm chủ trong Nhà nước pháp quyền

Hồ Chí Minh quan niệm “dân là chủ”, khẳng định vai trò, vị thế của Nhân dân; “dân làm chủ” là biểu đạt nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhân dân. Hai mệnh đề này luôn đi liền với nhau, để thể hiện mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân, mọi lợi ích đều vì dân, mọi công việc đều do dân. Đây là quan niệm được Người diễn đạt ngắn gọn, rõ ràng, đi thẳng vào bản chất của khái niệm trong cấu tạo quyền lực của xã hội. Người cho rằng: “Nước ta là nước dân

chủ, nghĩa là nước do Nhân dân làm chủ”, “chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là Nhân dân làm chủ”, “nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”⁽¹⁾.

Theo Hồ Chí Minh, dân chủ còn biểu hiện ở phương thức tổ chức xã hội. Khẳng định chế độ dân chủ ở nước ta là “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, đồng thời Người cũng chỉ ra phương thức tổ chức, hoạt động của xã hội mà quyền lực thuộc

về Nhân dân. Dân chủ là cơ sở đảm bảo quyền làm chủ, các quyền cơ bản của Nhân dân lao động. Điều này được Người khẳng định cả trên quan điểm lẫn trên thực tế khi có Nhà nước mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - do dân cử ra. Trong bài báo *Dân vận* (1949), Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.



Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽²⁾. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), Người chỉ rõ: “Ở nước ta chính quyền là của Nhân dân, do Nhân dân làm chủ... Nhân dân là ông chủ nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*”⁽³⁾. Người vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận của Lênin: “Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng Nhân dân”⁽⁴⁾ và phương châm truyền thống “lấy dân làm gốc” của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, những quan điểm của Người có giá trị thời sự sâu sắc trong việc khẳng định vị thế, vai trò của Nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng xác định cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” được đề ra là phương thức vận hành tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam. Hiện nay, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “lấy dân là gốc”... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽⁵⁾. Trong các bản Hiến pháp của nước ta cho đến nay đều thống nhất với Cương lĩnh, đường lối của Đảng về việc khẳng định Nhân dân là chủ và làm chủ trong Nhà nước. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” đã thể hiện nhất quán quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về đề cao quyền làm chủ

của Nhân dân trong Hiến pháp là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, đồng thời thể hiện đất nước Việt Nam là do chính Nhân dân làm chủ, Nhân dân là chủ thể quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Nhân dân xây dựng Nhà nước hợp pháp, hợp hiến

Ngay trong bản *Tuyên ngôn độc lập* (ngày 2/9/1945), Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam mới, đồng thời thể hiện địa vị hợp pháp của Chính phủ lâm thời do Người đứng đầu. Sau một thời gian ngắn, Người và Chính phủ lâm thời đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho một cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc hội và cử ra Chính phủ hợp pháp. Với quyết tâm của Người để càng sớm càng tốt việc Tổng tuyển cử bầu ra một Nhà nước vẹn toàn, đáp ứng nguyện vọng độc lập, tự do, hạnh phúc của Nhân dân, thực hiện việc đối nội, đối ngoại. Người kêu gọi “tất cả các bạn cử tri, đều phải nhớ đi bầu cử” để thể hiện trách nhiệm và “hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do”. Ngày 6/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi với chế độ phổ thông đầu phiếu, trực tiếp, bỏ phiếu kín. Cho đến nay, việc bầu đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp vẫn được duy trì chế độ bầu cử này. Tổng tuyển cử năm 1946 là lần đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam cũng như lần đầu tiên ở Đông Nam Châu Á, tất cả mọi người dân từ đủ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, giàu nghèo, dân tộc, đảng phái, tôn giáo... đều đi bỏ phiếu bầu những đại biểu của mình vào trong Quốc hội.

Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 3/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ

chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”⁽⁶⁾ để sớm có một Nhà nước hợp hiến do dân bầu ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, dưới chế độ chuyên chế của thực dân và phong kiến “nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ” nên chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Lời đề nghị đó có giá trị lịch sử như một “Tuyên bố lập hiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội, Quốc hội cử ra Chính phủ. Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của Nhà nước. Quốc hội bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Đây là Chính phủ hợp hiến đầu tiên do đại biểu của Nhân dân bầu ra, có đầy đủ tư cách và hiệu lực trong việc giải quyết mọi vấn đề nội trị và ngoại giao của nước Việt Nam mới.

Quán triệt quan điểm “Nhân dân bầu ra các hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính địa phương, và Quốc hội cùng Chính phủ Trung ương”⁽⁷⁾, các cơ quan Nhà nước đẩy mạnh phát huy vai trò của Nhân dân trong việc xây dựng, kiểm tra, giám sát đại biểu đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, nói lên tiếng nói của Nhân dân; trách nhiệm của Nhân dân càng cao thì chất lượng đại biểu được Nhân dân bầu ra càng nâng lên. Những quy chế, quy định, nghị định cho Nhân dân tham gia xây dựng, giám sát các hoạt động của Nhà nước vừa thể hiện pháp luật hoàn thiện, văn minh, vừa thể hiện tính dân quyền, nhân quyền của thể chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, các hoạt động của Nhà nước được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, các loại phí, lệ phí và các quy định của pháp luật; nêu cao tinh thần phục vụ Nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn từ cơ sở, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Nhà nước.



3. Cơ chế đảm bảo việc phát huy vai trò của Nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền

Theo Hồ Chí Minh, trước hết mọi hoạt động của Nhà nước phải hướng đến mục tiêu vì lợi ích của Nhân dân. Trong quá trình lãnh đạo với cương vị đứng đầu Nhà nước, Người đòi hỏi phải có chính sách phát triển kinh tế - xã hội thiết thực, đáp ứng lợi ích của quần chúng Nhân dân, “chính sách của Chính phủ đối với dân chúng - chính sách này phải hợp với nguyện vọng và quyền lợi của dân chúng. Đối với dân, Chính phủ phải thi hành một nền chính trị liêm khiết như cải thiện đời sống của Nhân dân, cứu tế thất nghiệp, sửa đổi chế độ xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá...”⁽⁸⁾.

Cho nên, đối với những đại biểu được Nhân dân bầu ra phải có trách nhiệm chính trị “ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng”. Vì vậy, Văn kiện Đại hội XIII vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của Hồ Chí Minh và khẳng định: “Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng”⁽⁹⁾ và đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải “thường xuyên “tự soi”, “tự sửa” và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên”⁽¹⁰⁾. “Phê phán, xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức, viên chức thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, những nhiễu dân”⁽¹¹⁾.

Thực hành dân chủ là động lực của sự phát triển đất nước do Nhà nước pháp quyền quản lý. Hồ Chí Minh không chỉ coi dân chủ là sản phẩm của văn minh nhân loại, mà xem nó như là lý tưởng phấn đấu của các dân tộc, và không dừng lại với tư cách như là một thiết chế xã hội của một quốc gia mà nó còn có cả ý nghĩa biểu thị mối quan hệ quốc tế, hòa bình giữa các dân

tộc. Vì vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Hiến pháp và pháp luật đảm bảo chế độ dân chủ được thực thi. Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thể hiện rõ nhất và thắm đậm nhất tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. Với trách nhiệm chủ trì soạn thảo Hiến pháp năm 1959, Hồ Chí Minh một lần nữa bảo đảm dân chủ trong việc xác lập quyền lực của Nhân dân được thể hiện ở: Điều 4, Điều 5, Điều 6. Người chú trọng bảo đảm quyền lực của các giai cấp, tầng lớp, các cộng đồng dân tộc trong thể chế chính trị nước ta.

Việc thực hành dân chủ trên cơ sở pháp luật quy định quyền lực của Nhân dân và phương thức thực hành dân chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước. Xuất phát từ quan niệm của Hồ Chí Minh: “Khi Nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn. Dân ta rất tốt”⁽¹²⁾; “Nhân dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai chiến thắng được lực lượng đó”. Từ đó, Nhà nước phải có cơ chế thực hành dân chủ rộng rãi trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, trên nền tảng đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng việc xây dựng Đảng; có đảm bảo và phát huy dân chủ trong Đảng thì mới đảm bảo được dân chủ trong toàn xã hội. Các tổ chức Mặt trận và đoàn thể nhân dân thể hiện quyền làm chủ và tham gia quản lý xã hội của tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Thực hành dân chủ thông qua việc thực hiện đường lối, chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà nước nhằm đưa đất nước phát triển, đưa lại quyền lợi cho Nhân dân, bảo đảm các quyền con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân”⁽¹³⁾.

Hiện nay, từng cấp ủy Đảng trong việc xây dựng, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và các cơ quan Nhà

nước cần tiếp tục thực hiện tốt quy định về dân chủ ở cơ sở ở các ngành, các cấp để góp phần nâng cao hiệu quả việc Nhân dân tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; đấu tranh kiên quyết với những hiện tượng độc đoán, chuyên quyền cũng như hiện tượng dân chủ hình thức, vô tổ chức, vô kỷ luật, gây mất đoàn kết nội bộ. Hệ thống chính trị tiếp tục thực hiện có hiệu quả: Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/2/1998, của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; Nghị quyết số 45/1998/NQ-UBTVQH10, Nghị quyết số 55/1998/NQ-UBTVQH10, Nghị quyết số 60/1998/NQ-UBTVQH10, Pháp lệnh số 34/2007/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Nghị định số: 29/1998/NĐ-CP, 71/1998/NĐ-CP, 07/1999/NĐ-CP, 79/2003/NĐ-CP, 87/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, cơ quan hành chính, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đã tạo ra cơ chế cụ thể về quyền làm chủ của nhân dân; Nghị định 149/2018/NĐ-CP, ngày 7/11/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Phát huy dân chủ ở cơ sở gắn với nâng cao chất lượng dân chủ đại diện và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở cơ sở. Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, xem xét, đánh giá kết quả thực hiện; khen thưởng và động viên kịp thời; tạo phong trào sâu rộng, có hiệu quả ở từng loại hình cơ sở./

Chú thích:

(1), (2), (3), (6), (7), (8), (12) Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, t. 7, tr. 434; t. 6, tr. 232; t. 8, tr. 263; t. 4, tr. 7; t. 8, tr. 263; t. 12, tr. 270;

(4) Lênin (2006), Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 35, tr. 64;

(5), (9), (10), (11), (13) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 96; t. II, tr. 237; t. II, tr. 237; t. I, tr. 192; t. I, tr. 118.



Bàn về chế định thanh tra nhân dân trong Luật Thanh tra

 **TS. Đinh Văn Minh**

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

Khoản 8 Điều 3 của Luật Thanh tra năm 2010 quy định thanh tra nhân dân là hình thức giám sát của Nhân dân thông qua ban thanh tra nhân dân đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước.

Hoạt động thanh tra nhân dân là một hình thức cụ thể của việc thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của Nhân dân tại các địa phương, cơ sở. Đây là một phương thức giám sát, kiểm tra rất có hiệu quả bởi vì địa phương, cơ sở chính là nơi mà mọi chủ trương, chính sách của Đảng, mọi qui định của pháp luật được đưa vào thực tiễn cuộc sống.

Tuy nhiên chế định thanh tra nhân dân hiện nay, qua tổng kết thực tiễn cho thấy những vấn đề bất cập cần được điều chỉnh, nhất là khi chúng ta đang tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Thanh tra 2010.

Chế định thanh tra nhân dân cần tách ra khỏi Luật Thanh tra

Từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng và tạo ra các cơ chế để Nhân dân phát huy tinh thần làm chủ, thực hiện quyền giám sát của mình một cách có hiệu quả nhất. Có nhiều hình thức và mức độ khác nhau để thực hiện quyền



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

kiểm tra giám sát của Nhân dân: Giám sát kiểm tra thông qua việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; giám sát kiểm tra của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận; giám sát kiểm tra thông qua hoạt động thanh tra nhân dân...

Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua tổ chức rộng lớn của mình là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng như các đoàn thể tổ chức xã hội thành viên của Mặt trận. Điều 9 Hiến pháp năm 1992 qui định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận... động viên Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước*”. Cụ thể hoá qui định nêu trên của Hiến pháp, Điều 12 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qui định:

“1. Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là hoạt động giám sát mang tính Nhân dân, hỗ trợ cho công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của Nhà nước...”.

Như vậy, hoạt động thanh tra nhân dân về bản chất khác hẳn với hoạt động thanh tra mang tính quyền lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tên gọi thanh tra nhân dân là không phù hợp với tính chất của hoạt động này. Vì vậy hoạt động giám sát của Nhân dân với tên gọi thanh tra nhân dân hiện nay cần thiết phải mang tên gọi khác để tránh lẫn lộn với hoạt động thanh tra Nhà nước và điều chỉnh tại một văn bản riêng hoặc một văn bản khác thích hợp.

Cần phải nói thêm rằng, tên gọi thanh tra nhân dân và sự lẫn lộn với thanh tra Nhà nước có lịch sử của nó. Ngày 15/2/1984, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Nghị



quyết số 26/HĐBT về việc tăng cường tổ chức thanh tra và nâng cao hiệu lực của thanh tra trong đó nêu rõ hệ thống tổ chức thanh tra Nhà nước và thanh tra nhân dân. Theo đó: “Hệ thống thanh tra các cấp gồm: Ủy ban Thanh tra Nhà nước Trung ương; Ủy ban Thanh tra Nhà nước cấp tỉnh, thành phố, quận, huyện và tương đương; ban thanh tra nhân dân cấp cơ sở. Đó là một hệ thống tổ chức thanh tra được quản lý và chỉ đạo tập trung thống nhất từ Trung ương đến cơ sở”.

Ngay sau đó, ngày 20/2/1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 38/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra, trong đó nhấn mạnh: “Tổ chức thanh tra phải là công cụ có hiệu lực của Nhà nước chuyên chính vô sản, đồng thời là một hình thức tổ chức của quần chúng để thực hiện quyền làm chủ tập thể của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Theo tinh thần ấy, tổ chức và hoạt động thanh tra phải thể hiện tính chất Nhà nước và tính chất Nhân dân”.

Như vậy có thể thấy rằng, trong thời kỳ đầu mới hình thành và hoạt động, thanh tra nhân dân được thể hiện như là hệ thống “chân rết” của các tổ chức thanh tra Nhà nước cấp trên. Thanh tra nhân dân khi đó vừa mang “tính Nhà nước” vừa mang “tính Nhân dân”.

Sự phát triển của hệ thống chính trị ngày càng làm rõ nét hơn các yếu tố của nó về tính chất, về phương thức và tổ chức hoạt động... Tại Pháp lệnh Thanh tra năm 1990, đã xác định rõ ràng tính chất giám sát của Nhân dân tách ra khỏi hệ thống các cơ quan thanh tra Nhà nước. Vào thời kỳ đó, cũng đã có ý kiến đề nghị đưa nội dung thanh tra nhân dân ra khỏi Pháp lệnh Thanh tra để điều chỉnh trong một văn bản khác đồng thời đổi tên gọi thanh tra nhân dân đối với hình thức giám sát này. Tuy nhiên, cuối cùng thì chế định thanh tra nhân dân vẫn được để trong Pháp lệnh Thanh tra với hai lý do: Một là, tên gọi đó đã có từ lâu trở thành thói quen không dễ thay đổi và hai là, nếu đưa ra khỏi Pháp

lệnh Thanh tra thì nội dung này chưa có văn bản nào thay thế. Vậy nên phương án tốt nhất là vẫn quy định trong Pháp lệnh Thanh tra trong một phần riêng biệt.

Khi xây dựng Luật Thanh tra 2004 và Luật Thanh tra 2010, vấn đề này lại được đưa ra thảo luận nhưng chế định thanh tra nhân dân vẫn được quy định trong luật vì những lý do như trên. Trong lần xây dựng Luật Thanh tra sửa đổi lần này, Chính phủ cũng đã đồng ý không quy định thanh tra nhân dân trong Luật Thanh tra sửa đổi để điều chỉnh trong một văn bản khác.

Theo chúng tôi có thể xử lý vấn đề này theo một trong hai phương án sau đây:

Một là, xây dựng một đạo luật riêng về giám sát của Nhân dân, trong đó sẽ điều chỉnh vấn đề thanh tra nhân dân hiện nay.

Hai là, đưa nội dung giám sát của Nhân dân (thanh tra nhân dân hiện nay) vào dự án Luật Dân chủ ở cơ sở mà Chính phủ đang giao cho Bộ Nội vụ chuẩn bị, cùng với việc nghiên cứu bỏ quy định về ban thanh tra nhân dân trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước, sẽ được phân tích dưới đây.

2. Nghiên cứu để cân nhắc về sự cần thiết thành lập ban thanh tra nhân dân ở trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của Nhà nước

Theo quy định hiện hành thì ban thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo hoạt động. Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước do ban chấp hành công đoàn cơ sở ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đó hướng dẫn tổ chức, chỉ đạo hoạt động.

Thực tiễn cho thấy, ban thanh tra nhân dân ở xã, phường thị trấn hoạt động khá hiệu quả, trong khi ban thanh tra nhân dân ở các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước gặp không ít khó khăn và hiệu quả hoạt động rất hạn chế. Xem xét cả về phương diện lý

luận và thực tiễn có thể thấy rõ mấy nguyên nhân sau đây:

Một là, ban thanh tra nhân dân ở xã phường thị trấn thực sự là tổ chức giám sát của Nhân dân bởi vì thành viên của nó đa số là những người không có mối quan hệ công vụ hay ràng buộc với chính quyền cơ sở, đối tượng giám sát của chính họ. Vì vậy họ bảo đảm được tính độc lập, khách quan trong khi thực hiện quyền giám sát mà không hề e dè, lo lắng. Nhiều thành viên ban thanh tra nhân dân là các cán bộ, công chức có kiến thức, trình độ, thậm chí từng giữ chức vụ trong các cơ quan Nhà nước nay nghỉ hưu, có điều kiện về thời gian, có năng lực thực hiện việc giám sát. Trong khi đó, thành viên ban thanh tra nhân dân trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước có mối quan hệ ràng buộc về mặt lợi ích với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người đứng đầu doanh nghiệp, đối tượng của việc giám sát. Trong cơ quan, đơn vị, đó là những ràng buộc về mặt lợi ích giữa người cấp dưới với cấp trên, trong doanh nghiệp Nhà nước là sự ràng buộc từ mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động. Mối quan hệ phụ thuộc về lợi ích sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính khách quan của việc giám sát.

Hai là, mục đích và nội dung giám sát ở xã, phường, thị trấn là khá cụ thể và thiết thực, liên quan trực tiếp đến người dân, chẳng hạn việc thực hiện các chính sách xã hội về xóa đói, giảm nghèo, chính sách ưu đãi cho vùng khó khăn, dân tộc, miền núi hay giám sát việc xây dựng các công trình dân sinh trên địa bàn như trường học, chợ, đường làng ngõ xóm... Đó là lý do vì sao ban thanh tra nhân dân tại xã, phường, thị trấn hoạt động rất tích cực và hiệu quả. Trong khi đó giám sát của ban thanh tra nhân dân tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lại quá rộng và không thực sự cần thiết vì tại những nơi này đã có nhiều cơ chế giám sát khác (kiểm tra công đoàn, kiểm tra Đảng...).

Ba là, như trên đã nói, phần lớn thành viên ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn là những cán bộ hưu trí, có thời



gian, có trình độ và uy tín, lớn tuổi nên sẽ có điều kiện để thực hiện tốt việc giám sát. Trong khi đó, tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thì thành viên ban thanh tra nhân dân chỉ làm kiêm nhiệm, phần lớn thời gian, tâm trí của họ dành cho việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ hay sản xuất kinh doanh nên không thể có điều kiện thực hiện tốt trách nhiệm giám sát.

Trên thực tế, thanh tra nhân dân trong nhiều cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước hết sức hạn chế, nơi thì lẫn lộn với hình thức thanh tra của thủ trưởng, nơi thì hầu như không có hoạt động. Thậm chí có nhiều nơi không tổ chức thanh tra nhân dân. Về nguyên tắc, tất cả các cơ quan Nhà nước phải có ban thanh tra nhân dân nhưng khó có thể hình dung ở những cơ quan như Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và một số cơ quan khác ban thanh tra nhân dân sẽ được tổ chức và hoạt động như thế nào. Các cơ quan khác của Nhà nước có thanh tra nhân dân thì cũng rất khó hoạt động nếu không muốn nói là mang nặng tính hình thức.

Việc cân nhắc không tổ chức thanh tra ở cơ quan, đơn vị công lập, doanh nghiệp Nhà nước sẽ gặp thuận lợi lớn để đưa chế định thanh tra nhân dân vào Dự án Luật Dân chủ ở cơ sở bởi vì phạm vi điều chỉnh và mục đích của Dự án Luật này được xác định là ở xã, phường, thị trấn.

Đã đến lúc, cùng với việc tinh giản, thu gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hiệu lực của các cơ quan Nhà nước, chúng ta cũng phải đánh giá, tổ chức lại các cơ chế giám sát của Nhân dân bảo đảm hoạt động thực chất, có hiệu quả hơn. Xây dựng Luật Thanh tra sửa đổi trong thời gian tới chính là cơ hội tốt để thực hiện điều này./.



Thanh tra Bộ Xây dựng làm việc với Thanh tra Chính phủ về Dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi tháng 4/2021

Một số nội dung cơ bản của Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)

(Tiếp theo và hết)

 **TS. Nguyễn Văn Tuấn**

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

6. Thanh tra viên

Để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra Dự thảo Luật Thanh tra (gọi tắt là Dự thảo Luật) thiết kế một chương quy định về thanh tra viên, trong đó quy định:

- Thanh tra viên là công chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện các nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật. Các ngạch thanh tra viên bao gồm thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra



viên cao cấp. Tổng Thanh tra Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm thanh tra viên cao cấp. Thanh tra viên và thanh tra viên chính do bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm theo thẩm quyền quản lý công chức. Đối với những ngành, lĩnh vực đặc thù có cơ quan thanh tra được thành lập theo quy định của Điều ước quốc tế thì Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm thanh tra viên đặc biệt theo đề nghị của bộ trưởng và Tổng Thanh tra Chính phủ. Thanh tra viên phải tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thanh tra viên được cấp trang phục thanh tra, thẻ thanh tra.

- Về tiêu chuẩn thanh tra viên:

+ Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;

+ Tốt nghiệp đại học, có kiến thức quản lý Nhà nước và am hiểu pháp luật; đối với thanh tra viên chuyên ngành còn phải có kiến thức chuyên môn về chuyên ngành đó;

+ Được Tổng Thanh tra Chính phủ cấp chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra phù hợp với các ngạch thanh tra viên;

+ Có ít nhất 02 năm làm công tác thanh tra (không kể thời gian tập sự), trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác từ 05 năm trở lên chuyển sang cơ quan thanh tra Nhà nước...

Các quy định về tiêu chuẩn đối với thanh tra viên nhằm nâng cao tiêu chuẩn đối với công chức làm nhiệm vụ thanh tra. Cùng với việc hoàn thiện các quy định pháp luật về thanh tra và việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, ngành Thanh tra hướng tới xây dựng đội ngũ công chức thanh tra chính quy, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thanh tra, đồng thời

phục vụ tốt yêu cầu quản lý Nhà nước của các cơ quan quản lý Nhà nước.

7. Hoạt động thanh tra

Đây là một trong những nội dung quan trọng của Dự thảo Luật. Kế thừa những mặt tích cực của Luật Thanh tra hiện hành, luật hóa những quy định đã được thực hiện có hiệu quả thời gian qua, Dự thảo Luật đã quy định hoạt động thanh tra tại Chương V, cụ thể là:

- Những quy định chung trong hoạt động thanh tra gồm xây dựng, định hướng hoạt động thanh tra, kế hoạch thanh tra; hình thức thanh tra; thời hạn thanh tra; căn cứ ra quyết định thanh tra; trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước, người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra; bảo đảm kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động thanh tra; xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người ra quyết định thanh tra, thành viên đoàn thanh tra; xử lý chồng chéo, trùng lặp trong quá trình thanh tra.

Đặc biệt, việc xây dựng, ban hành định hướng hoạt động thanh tra hằng năm, kế hoạch thanh tra đã được quy định cụ thể theo hướng công khai, minh bạch, ví dụ Dự thảo Luật đã xác định việc xây dựng định hướng hoạt động thanh tra, kế hoạch thanh tra nhằm bảo đảm cho hoạt động thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa các cơ quan thanh tra và giữa cơ quan thanh tra với các cơ quan kiểm tra, kiểm toán, giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý Nhà nước. Định hướng hoạt động thanh tra hằng năm được xây dựng căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của Chính phủ và việc tăng cường trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực. Kế hoạch thanh tra được xây dựng căn cứ vào định hướng hoạt động thanh tra hằng năm cũng như yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và công tác quản lý thuộc phạm vi quản lý của lĩnh vực và địa phương...

- Quy định cụ thể về đoàn thanh tra: Dự thảo Luật đã quy định việc ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra;

nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng đoàn thanh tra; nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên đoàn thanh tra, theo đó:

+ Thủ trưởng cơ quan thanh tra phải ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Đoàn thanh tra có trưởng đoàn thanh tra, phó trưởng đoàn thanh tra (nếu cần thiết), thành viên đoàn thanh tra. Phó trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm giúp trưởng đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của đoàn thanh tra khi được trưởng đoàn thanh tra giao. Thành viên đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra phải là người có phẩm chất đạo đức và chuyên môn tốt, không có xung đột lợi ích khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Người ra quyết định thanh tra có thể thay đổi trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra khi cần thiết. Chính phủ quy định cụ thể các trường hợp thay đổi trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra.

+ Trong quá trình thanh tra, trưởng đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn: Tổ chức, chỉ đạo các thành viên đoàn thanh tra thực hiện đúng nội dung quyết định thanh tra; kiến nghị với người ra quyết định thanh tra áp dụng biện pháp thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra; yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; khi cần thiết có thể tiến hành kiểm kê tài sản liên quan đến nội dung thanh tra của đối tượng thanh tra...

+ Trong quá trình thanh tra, thành viên đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn thanh tra; yêu cầu đối tượng thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo bằng văn bản, giải trình về vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu đó.

- Chuẩn bị thanh tra: Dự thảo Luật đã luật hóa quy trình nghiệp vụ chuẩn bị thanh tra đã được thể hiện trong các văn bản



hướng dẫn nghiệp vụ của ngành Thanh tra. Những nội dung này đã chứng minh tính hợp lý trong quá trình các cơ quan thanh tra thực hiện hoạt động chuẩn bị thanh tra. Hoạt động chuẩn bị thanh tra bao gồm: Thu thập thông tin, tài liệu; việc ra quyết định thanh tra, gửi quyết định thanh tra cho đối tượng thanh tra; việc xây dựng, phê duyệt, phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra; xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo; thông báo việc công bố quyết định thanh tra.

- Tiến hành thanh tra: Dự thảo Luật quy định cụ thể việc tiến hành thanh tra của các cơ quan thanh tra Nhà nước thông qua hoạt động của đoàn thanh tra như việc công bố quyết định thanh tra; xác định địa điểm, thời gian làm việc của đoàn thanh tra; việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra; kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu; việc xử lý sai phạm trong quá trình thanh tra... Đặc biệt, Dự thảo Luật đã bổ sung một số quy định nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác thanh tra hiện nay như quy định về sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra (Điều 70); việc tạm dừng cuộc thanh tra (Điều 73); việc đình chỉ cuộc thanh tra (Điều 74)...

- Thực hiện quyền trong hoạt động thanh tra: Nhằm bảo đảm cho các cơ quan thanh tra, đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ thanh tra, Dự thảo Luật đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra; các quyền trong hoạt động thanh tra của trưởng đoàn thanh tra; thành viên đoàn thanh tra. Đồng thời, xác định nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu, báo cáo, giải trình của đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan...

- Kết thúc cuộc thanh tra: Dự thảo Luật quy định cụ thể sau khi kết thúc cuộc thanh tra, trưởng đoàn thanh tra phải có văn bản báo cáo kết quả thanh tra gửi tới người ra quyết định thanh tra. Người ra quyết định thanh tra xem xét, đánh giá các nội dung trong báo cáo kết quả thanh tra và chỉ đạo trưởng đoàn thanh tra xây dựng dự thảo kết luận thanh tra trình người ra quyết định thanh tra... Dự thảo Luật đã có

những quy định mới liên quan đến việc thẩm định dự thảo kết luận thanh tra (Điều 88)...

- Giám sát hoạt động đoàn thanh tra: Để bảo đảm hoạt động của đoàn thanh tra đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động thanh tra, Dự thảo Luật đã quy định một mục về giám sát hoạt động của đoàn thanh tra trong chương hoạt động thanh tra. Trong đó quy định rõ trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp công chức tham gia đoàn thanh tra; nội dung giám sát hoạt động đoàn thanh tra; nhiệm vụ, quyền hạn của người thực hiện giám sát; trách nhiệm của trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra trong hoạt động giám sát; tổ chức việc giám sát, báo cáo giám sát...

8. Phối hợp trong hoạt động thanh tra và việc xử lý chống chống chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, giữa thanh tra và kiểm toán

Dự thảo Luật đã xác định cụ thể các nguyên tắc để tránh chống chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra và giữa hoạt động thanh tra với hoạt động kiểm toán khi xây dựng kế hoạch và trong quá trình triển khai thực hiện.

Về chống chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra: Quy định bộ, tỉnh chỉ có một kế hoạch thanh tra do bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kế hoạch thanh tra của bộ, của tỉnh được xây dựng trên cơ sở định hướng chương trình thanh tra và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự chống chéo, trùng lặp thì cơ quan thanh tra cấp trên sẽ thực hiện nội dung thanh tra đó.

Về chống chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm toán: Dự thảo Luật quy định cụ thể về trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ và Kiểm toán Nhà nước phải có đánh giá, tổng kết kết quả công tác thanh tra, kiểm toán để có căn cứ xây dựng kế hoạch cho năm tiếp theo. Việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm toán hàng năm phải có sự trao đổi, thống nhất giữa Tổng Thanh tra Chính phủ và Tổng

Kiểm toán Nhà nước, thực hiện nguyên tắc một nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân chỉ có thể là đối tượng của một cơ quan thanh tra hoặc kiểm toán.

Thủ trưởng cơ quan thanh tra và Tổng Kiểm toán Nhà nước, trưởng kiểm toán khu vực, chuyên ngành có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động, trao đổi thường xuyên để tránh chống chéo, trùng lặp khi tiến hành thanh tra, kiểm toán. Trường hợp phát hiện thấy nội dung, phạm vi thanh tra có chống chéo, trùng lặp với cơ quan thực hiện chức năng thanh tra khác hoặc Kiểm toán Nhà nước, thủ trưởng cơ quan tiến hành thanh tra phải báo cáo ngay với thủ trưởng cơ quan hành chính cùng cấp, cơ quan thanh tra cấp trên và cơ quan, đơn vị có liên quan để có giải pháp phù hợp tránh chống chéo, trùng lặp và đảm bảo tính kế thừa trong hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị. Trong trường hợp không thống nhất được ý kiến thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ và Tổng Kiểm toán Nhà nước xem xét, giải quyết.

9. Về việc xử lý sai phạm trong quá trình thanh tra

Để tăng cường hiệu quả phối hợp giữa cơ quan thanh tra với cơ quan điều tra, kiểm sát để xử lý các sai phạm trong quá trình thanh tra, Dự thảo Luật đã quy định:

- Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện có sai phạm thì trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra lập biên bản về việc sai phạm để làm cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra phải thực hiện các quyền thanh tra cần thiết quy định tại Điều... của Luật này để chấm dứt hành vi vi phạm, kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trong trường hợp sai phạm của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan không thuộc thẩm quyền xử lý của mình thì trưởng đoàn thanh tra kiến nghị người ra quyết định thanh tra hoặc thủ trưởng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.



- Khi phát hiện hồ sơ, tài liệu về các hành vi sau đây thì trưởng đoàn thanh tra phải báo cáo người ra quyết định thanh tra chuyển hồ sơ, tài liệu đó cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho viện kiểm sát cùng cấp biết:

+ Các hành vi về tham nhũng: Hành vi tham ô tài sản; hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ; hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi;

+ Các hành vi vi phạm về quản lý kinh tế: Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí; hành vi vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng; hành vi vi phạm quy định về kế toán; hành vi vi phạm quy định về đấu thầu;

+ Hành vi vi phạm quy định về quản lý đất đai;

+ Hành vi vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng; hành vi vi phạm quy định về xây dựng;

+ Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm: Hành vi trốn thuế; hành vi vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng; hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thanh tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu về kết quả giải quyết vụ việc. Cơ quan thanh tra đã chuyển hồ sơ, tài liệu có trách nhiệm theo dõi việc giải quyết của cơ quan điều tra; trường hợp cơ quan thanh tra không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan điều tra thì thủ trưởng cơ quan thanh tra báo cáo thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên biết và xin ý kiến chỉ đạo.

- Cùng với việc chuyển hồ sơ, tài liệu cho cơ quan điều tra, người ra quyết định thanh tra chỉ đạo đoàn thanh tra tiếp tục thanh tra về các nội dung theo kế hoạch tiến hành thanh tra đã phê duyệt và ban hành kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Quy định này cũng giúp xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra và các cơ quan Nhà nước có liên quan trong việc phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và các hành vi tội phạm nói riêng.

10. Về thanh tra nhân dân

Hoạt động của các cơ quan thanh tra Nhà nước và của các ban thanh tra nhân dân là khác nhau về bản chất. Hoạt động của cơ quan thanh tra mang tính quyền lực Nhà nước; ban thanh tra nhân dân là một trong những thiết chế dân chủ cơ sở, hoạt động của ban thanh tra nhân dân là hoạt động giám sát của nhân dân với các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp Nhà nước. Do vậy, cần tách nội dung về thanh tra nhân dân ra khỏi Luật Thanh tra.

Dự thảo Luật Thanh tra sửa đổi không có nội dung về thanh tra nhân dân nên Thanh tra Chính phủ cần đề xuất Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng Luật và Pháp lệnh của Quốc hội và giao cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chủ trì soạn thảo trình Quốc hội thông qua trong thời gian sớm nhất. /.



VỀ LÀNG SEN

Con được về nơi Bác đã sinh ra
Nghe khúc hát câu dân ca ví dặm
Câu đờ đưa nghe thân thương đầm thắm
Lũy tre xanh toả mát búp sen hồng

Về Kim Liên mùa lúa chín thơm nồng
Khắp mọi miền đều hướng về quê Bác
Bắc Trung Nam cùng hoà chung bản nhạc
Khúc dân ca sâu lắng tiếng quê nhà

Đến Làng Chùa nghe khúc hát dân ca
Đưa ta đến thăm Hoàng Trù quê ngoại
Nơi sinh ra một con người huyền thoại
Cất tiếng chào đời bên khung cửi mẹ ru

Về Làng Sen nghe tiếng hát lời ru
Hàng râm bụt dẫn con vào nhà Bác
Nhà mái lá đơn sơ và mộc mạc
Chiếc chõng tre thưở niên thiếu Bác nằm

Sinh nhật Bác ngày mười chín tháng năm
Là ngày hội của đất trời non nước
Người sinh ra cả non sông có được
Một người con tận trung hiếu suốt đời

Bác sinh ra như một ánh sao ngoài
Đưa dân tộc thoát kiếp đời nô lệ
Niềm tự hào của quê hương xứ Nghệ
Suốt cuộc đời vì đất nước nhân dân

Tấm gương người soi sáng tỏ trăng ngân
Sống giản dị tâm trong ngân bác ái
Là biểu tượng của dân tộc, thời đại
Anh linh người luôn sáng mãi ngàn năm!

Trần Đăng Vinh



Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân^(*)



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Đến thời điểm hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã cơ bản đầy đủ, điều chỉnh kịp thời các mối quan hệ phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội. Sự ra đời của Luật Tiếp công dân năm 2013 đánh dấu bước ngoặt phát triển vượt bậc, thể hiện sự quan tâm tuyệt đối đến quyền dân chủ của công dân với những quy định chi tiết về quyền của công dân khi thực hiện các quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị,

phản ánh. Tiếp đến, Luật Tố cáo năm 2018 đã khắc phục những tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật, nhất là những quy định về nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo, quyền được rút tố cáo, cơ chế bảo vệ người tố cáo... Và gần nhất là Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2020) với những quy định khắc phục được một số bất cập trong thực tiễn áp dụng. Qua đó, giúp cho mọi công dân phát huy tối đa quyền dân chủ, quyền và lợi ích

chính đáng được đảm bảo; thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Xác định công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu của các cấp ủy Đảng, chính quyền, từ đó, các cấp, các ngành trong toàn tỉnh Kiên Giang đã quan tâm bố trí công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhất là trong tình hình mới hiện nay. Công tác triển khai, quán triệt thực hiện pháp luật tiếp công dân, giải

^(*) Tham luận của Thanh tra tỉnh Kiên Giang tại Hội thảo "Kinh nghiệm tiếp công dân và xử lý đơn thư" do Tạp chí Thanh tra tổ chức



quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ với nhiều giải pháp trọng tâm, phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị, địa phương.

Người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị luôn nêu cao trách nhiệm, thực hiện tốt tiếp công dân định kỳ, đột xuất, quá trình tiếp công dân luôn cầu thị, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người dân để kịp thời điều chỉnh các chủ trương, chính sách hoặc chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát; từ đó, tạo dựng niềm tin của người dân đối với chính quyền địa phương, giảm bớt được tình trạng khiếu nại đông người, vượt cấp lên cơ quan Trung ương. Quan tâm phân công công chức phụ trách tiếp công dân, xử lý đơn có kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu chính sách pháp luật; bố trí cơ sở vật chất, thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách bồi dưỡng cho đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn đảm bảo đúng theo luật định. Chỉ đạo thẩm tra, xác minh, giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền phát sinh ngay từ cơ sở. Bên cạnh đó còn gắn với thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giúp người dân ổn định cuộc sống thông qua việc hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các cơ quan Trung ương, địa phương nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong giải quyết từng vụ việc cụ thể, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Nguyên nhân chính có thể thấy được từ hai khía cạnh sau:

Về mặt khách quan, một số người đứng đầu địa phương, sở ngành chưa thật sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát đối với công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Việc bố trí công chức phụ trách tiếp công dân, xử lý đơn chưa đủ tầm (phân công những công chức chuẩn bị về hưu thiếu nhiệt huyết làm việc hoặc những

công chức có trình độ chuyên môn không phù hợp) dẫn đến việc tiếp công dân, xử lý đơn còn lúng túng, hướng dẫn, chuyển đơn lòng vòng, gây phiền hà cho công dân. Từ đó, chất lượng, hiệu quả của công tác tiếp công dân, xử lý đơn chưa cao, làm ảnh hưởng đến quyền dân chủ của công dân. Công tác giải quyết đơn chưa được chú trọng, còn qua loa, không giải quyết đến nơi đến chốn, thậm chí đùn đẩy trách nhiệm lên cơ quan cấp trên, dẫn đến sự bức xúc khiếu nại vượt cấp của một số trường hợp.

Về mặt chủ quan, các quy định của pháp luật tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo vẫn còn một số bất cập, vướng mắc, chưa đồng bộ, cụ thể:

Thứ nhất, việc cử người đại diện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Theo quy định hiện hành, việc cử người đại diện nhìn chung mang lại nhiều hiệu quả thông qua việc người được cử đại diện với số lượng ít sẽ dễ dàng tiếp thu đầy đủ các chủ trương, chính sách, quan điểm giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, từ đó giúp xoa dịu nhanh tình hình đông người gây mất an ninh trật tự. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế mang lại còn nhiều điều tranh cãi, cá biệt một số người được cử đại diện mang ý chí chủ quan của mình khi giải thích lại cho những người trong nhóm đông người, làm sai lệch các chủ trương, chính sách, quan điểm giải quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc có hành vi xúi giục kích động do quyền và lợi ích của chính bản thân người được cử đại diện không được giải quyết hoặc dùng uy tín của bản thân mình vận động nhóm người này gây áp lực lên các cơ quan Nhà nước. Từ đó, làm gia tăng thêm tình trạng khiếu nại tập trung đông người, phức tạp tại các trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, Nhà nước vào các dịp lễ, sự kiện trọng đại của đất nước.

Thứ hai, về xử lý đơn có nhiều nội dung và xếp lưu đơn: Tại Điều 22 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử

lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh quy định đơn có nhiều nội dung khác nhau (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) hướng dẫn tách riêng từng nội dung để gửi đến đúng cơ quan thẩm quyền. Tuy nhiên, Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018 chỉ quy định chung chung “*đơn không thuộc thẩm quyền thì phải chuyển đến cơ quan có thẩm quyền*”, không quy định cụ thể “đơn tố cáo nhiều đối tượng” thì chuyển đơn hay hướng dẫn tách từng nội dung như quy định tại Điều 22 Thông tư số 07/2014/TT-TTCT. Do đó, việc xử lý đối với “đơn tố cáo nhiều đối tượng” đang gặp nhiều lúng túng trên thực tế.

Theo quy định tại Điều 28 của Thông tư 07/2014/TT-TTCT chỉ quy định một số trường hợp “xếp lưu đơn” đối với đơn “khiếu nại” còn các loại đơn khác chỉ quy định theo phân loại “đơn không đủ điều kiện xử lý”; tương tự như Luật Tố cáo năm 2018 cũng quy định rơi vào một số trường hợp tại khoản 3 Điều 24 thì “không xử lý”. Do đó, kiến nghị quy định liên quan đến các loại đơn “không đủ điều kiện xử lý” thì cơ quan tiếp nhận thực hiện “xếp lưu đơn”.

Thứ ba, về xử lý đơn tố cáo: Theo quy định tại Điều 29 Luật Tố cáo năm 2018, việc áp dụng vấn đề này gặp rất nhiều lúng túng. Cụ thể, tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Tố cáo quy định: “*Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật*”, việc quy định này dẫn đến có thể hiểu theo hai hướng sau: (1) Chỉ cần xác định được “hành vi vi phạm pháp luật” bị tố cáo thuộc chức trách, nhiệm vụ được giao của “người vi phạm” trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (2) Phải chứng minh được “người vi phạm” đã có “hành vi vi phạm pháp luật” cùng với các điều kiện còn lại được quy định tại Điều 29 của Luật Tố cáo thì mới ra thông báo thụ lý tố cáo.

Cũng tại Điều 29 Luật Tố cáo có quy định “*trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền nhưng người khiếu nại không*



đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ...". Tuy nhiên, thực tế có vụ việc công dân khiếu nại đúng và người giải quyết khiếu nại đã thu hồi, hủy bỏ quyết định hành chính (QĐHC), hành vi hành chính (HVHC) bị khiếu nại (đã khắc phục xong) nhưng người khiếu nại chuyển sang tố cáo ngay chính QĐHC, HVHC đã khiếu nại này; hoặc đối với những trường hợp vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định nhưng những người này từ chối thực hiện quyền khiếu nại đối với QĐHC, HVHC của người có thẩm quyền mà quay sang tố cáo và tạo áp lực đến các cơ quan Đảng, Nhà nước. Thực tế các trường hợp này rất phổ biến và gửi đơn tố cáo liên tục từ địa phương đến các cơ quan Trung ương, ít nhiều ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của “người bị tố cáo”. Vấn đề đặt ra là theo quy định, có đủ điều kiện thụ lý hay không thụ lý tố cáo và cơ sở pháp lý làm căn cứ thì luật chưa dự liệu được tình huống này.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn có rất nhiều giải pháp khác nhau như: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; nâng cao trách nhiệm, nhận thức của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu các cấp; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn, khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Một trong những giải pháp trọng tâm, then chốt nhất là “*nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong công tác tiếp công dân*”. Cụ thể, người đứng đầu phải:

Một là, sắp xếp lịch làm việc khoa học và dành thời gian tiếp công dân định kỳ, đột

xuất theo đúng luật định để lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người dân, trên cơ sở đó giải thích chính sách pháp luật, vận động người dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Hai là, quan tâm bố trí công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn có năng lực, có kinh nghiệm thực tiễn để nâng cao hơn nữa chất lượng tiếp công dân, xử lý đơn.

Ba là, khi phát sinh đơn thuộc thẩm quyền phải kịp thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn thẩm tra xác minh; nghe cơ quan chuyên môn báo cáo tổng hợp vụ việc trước khi tổ chức đối thoại với công dân để có thể dự liệu được các tình huống, định hướng giải quyết vụ việc hoặc kịp thời chỉ đạo xác minh bổ sung khi xét thấy cần thiết.

Bốn là, tổ chức gặp gỡ đối thoại với công dân trước khi ban hành quyết định. Đây là việc làm hết sức quan trọng, là điều kiện tốt nhất để người lãnh đạo thẩm định lại nội dung báo cáo, kiến nghị của cơ quan tham mưu được giao nhiệm vụ

thẩm tra xác minh trước sự phản biện của người khiếu nại, từ đó có kết luận giải quyết đúng đắn, khách quan và tính khả thi cao. Về thành phần đối thoại, vận động phải có sự tham gia của người đứng đầu các cơ quan tham mưu như: Thanh tra, Tài nguyên và Môi trường, các đoàn thể (Hội Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Luật gia, Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh...) cùng phối hợp. Người chủ trì phải kiên trì phân tích, giải thích thấu tình, đạt lý để Nhân dân hiểu và tự giác thực hiện, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ, hỗ trợ của người dân, nhất là những người nhiều năm tuổi Đảng, có sức ảnh hưởng ở địa phương.

Làm được điều này, người khiếu nại sẽ thấy được trách nhiệm của người đứng đầu trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của mình, góp phần tạo niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền. Còn người đứng đầu sẽ nâng lên trách nhiệm của mình, quan tâm chỉ đạo sâu sát hơn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo./.



Ảnh: Trần Chính



Một số thay đổi trong tổ chức và hoạt động thanh tra Công an nhân dân theo quy định của Nghị định số 25/2021/NĐ-CP

 **Thiếu tướng, TS. Lê Thanh Hải**

Phó Chánh Thanh tra Bộ Công an

Thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về “tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ, Bộ Công an đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo hướng “Bộ tinh gọn, tinh vững mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”. Theo đó, các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong Công an nhân dân (CAND) có sự biến động lớn do việc sáp nhập, giải thể. Thực tiễn trên đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động thanh tra CAND (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41).

Ngày 24/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 25/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 41/2014/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 25), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/5/2021. Với quan điểm xây dựng là tập trung chủ yếu vào việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến mô hình tổ chức của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong CAND, Nghị định đã sửa đổi, bổ sung 12 Điều, bãi bỏ 03 Điều và 02 khoản của Nghị định số 41.

Những điểm mới trong quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra CAND theo Nghị định số 25 cụ thể như sau:



Các đại biểu tham dự Hội nghị sơ kết công tác thanh tra 6 tháng đầu năm 2019 của Bộ Công an

1. Về hệ thống cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong CAND

- Sửa đổi cơ bản quy định về tổ chức các cơ quan thanh tra trong CAND

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 41, cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong CAND được phân chia thành 03 nhóm: (1) Nhóm hệ thống các cơ quan thanh tra Nhà nước trong CAND (khoản 1), gồm 4 cấp: Thanh tra Bộ; thanh tra các tổng cục, bộ tư lệnh; thanh tra công an cấp tỉnh và cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; thanh tra công an cấp huyện. Trên thực tế, các cơ quan thanh tra đã được triển khai ở 03 cấp, đối với công an cấp huyện chưa thành lập đội thanh tra, chỉ bố trí cán bộ

thanh tra chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. (2) Nhóm cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành trong CAND (khoản 2), gồm 01 đơn vị là Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. (3) Nhóm các cơ quan, đơn vị không có tổ chức thanh tra (khoản 3) thì giao cho thủ trưởng đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác thanh tra và bố trí cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm để tham mưu, giúp việc, gồm các vụ, cục, viện, học viện, trường CAND...

Nghị định số 25 đã sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 41, trong đó tại khoản 1 có hai sự thay đổi quan trọng hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước trong CAND là:



+ Bãi bỏ các cơ quan thanh tra: Thanh tra tổng cục, bộ tư lệnh; thanh tra cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; thanh tra công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ Bổ sung Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

Bên cạnh việc sửa đổi quy định về hệ thống cơ quan thanh tra để phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới của Bộ Công an, một nội dung mới của Nghị định số 25 là không quy định thanh tra công an cấp huyện trong hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước trong CAND. Theo đó, hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước trong Công an nhân dân theo quy định mới gồm:

+ Thanh tra Bộ Công an.

+ Thanh tra công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng; thanh tra chuyên ngành Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Bãi bỏ các quy định về thành lập tổ, đội thanh tra

Nghị định số 25 đã sửa đổi và bãi bỏ các quy định về thành lập tổ, đội thanh tra tại Nghị định số 41, cụ thể như: Quy định tại khoản 3 Điều 15 “*thanh tra công an tỉnh có các đội công tác để thực hiện nhiệm vụ được giao*”; quy định tại khoản 3 Điều 3 “*thành lập đội thanh tra ở đơn vị có quân số từ 500 cán bộ, chiến sĩ trở lên; thành lập tổ thanh tra ở đơn vị có quân số từ 300 cán bộ, chiến sĩ đến dưới 500 cán bộ, chiến sĩ...*”.

Như vậy theo quy định mới, thanh tra công an tỉnh không bắt buộc phải thành lập cấp đội, cơ cấu tổ chức, biên chế của thanh tra công an tỉnh nói riêng, các cơ quan thanh tra trong CAND nói chung được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 41: “*Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, biên chế và hoạt động của các cơ quan thanh tra*

được quy định tại Điều này”. Không thành lập các tổ, đội thanh tra tại các đơn vị theo tiêu chí về quân số, Nghị định số 25 chỉ giữ lại quy định về bố trí cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm tại các đơn vị theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 1: “*Đơn vị có quân số từ 200 cán bộ, chiến sĩ trở lên, bố trí cán bộ thanh tra chuyên trách; quân số dưới 200 cán bộ, chiến sĩ, bố trí cán bộ thanh tra kiêm nhiệm*”. Số lượng cán bộ thanh tra chuyên trách, kiêm nhiệm tại các đơn vị do thủ trưởng đơn vị quyết định trên cơ sở biên chế và yêu cầu công tác đặt ra.

- Thay đổi quy định về thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm chánh thanh tra công an tỉnh.

Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 41 quy định: “*...Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chánh thanh tra do giám đốc công an tỉnh quyết định sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra Bộ*”.

Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 25 đã sửa đổi lại như sau: “*...Chánh thanh tra do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật*”.

2. Một số thay đổi về hoạt động thanh tra trong CAND

Tại Báo cáo số 2379/BC-X05 ngày 18/12/2019 của Thanh tra Bộ Công an về tổng kết thi hành Nghị định số 41, đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung 25/56 điều của Nghị định số 41 liên quan đến tổ chức và hoạt động thanh tra CAND. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất với các quy định về hoạt động thanh tra đang được nghiên cứu sửa đổi trong Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 25 chỉ tiến hành sửa đổi một số quy định về hoạt động thanh tra có liên quan trực tiếp đến tổ chức các cơ quan thanh tra đã được sửa đổi. Cụ thể như sau:

- Về thẩm quyền tiến hành hoạt động thanh tra

Nghị định số 25 đã bãi bỏ một số quy định tại Nghị định số 41 về thẩm quyền tiến hành hoạt động thanh tra của thủ trưởng đơn vị nơi không có tổ chức thanh tra độc lập như: Quy định tại khoản 3 Điều 3 “*ở các*

đơn vị vụ, cục, viện, học viện, nhà trường CAND và đơn vị thuộc công an tỉnh nơi không có tổ chức thanh tra thì thủ trưởng đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác thanh tra”; quy định tại khoản 1 Điều 27 “*...Nơi không có tổ chức thanh tra, thủ trưởng công an phụ trách công tác thanh tra ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra*”; quy định tại khoản 5 Điều 28 “*...trưởng công an huyện ra quyết định thanh tra đột xuất đối với vụ việc theo thẩm quyền, thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra...*”; quy định tại khoản 3 Điều 30 về thời hạn cuộc thanh tra hành chính do các đơn vị không có tổ chức thanh tra tiến hành...

Như vậy, theo quy định mới thì chỉ có các cơ quan thanh tra, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành mới được tiến hành hoạt động thanh tra trong CAND, thẩm quyền thanh tra được xác định như sau:

+ Thanh tra Bộ có thẩm quyền tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 41.

+ Thanh tra công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 41.

+ Thanh tra Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng tiến hành thanh tra hành chính và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 25.

+ Thanh tra Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tham mưu giúp Cục trưởng tiến hành hoạt động thanh tra chuyên ngành về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 41.

Đối với các cơ quan, đơn vị không có tổ chức thanh tra thì không tiến hành các hoạt động thanh tra (thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành), thủ trưởng đơn vị



trực tiếp chỉ đạo thực hiện các mặt công tác thuộc chức năng của cơ quan thanh tra như công tác tiếp công dân; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định...

- Quy định về xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hằng năm:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 41 thì chánh thanh tra, cán bộ được phân công phụ trách công tác thanh tra nơi không có tổ chức thanh tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm, trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt (các cơ quan, đơn vị đều phải xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm).

Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 25 đã sửa đổi quy định trên, xác định rõ chỉ chánh thanh tra có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm, trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt (chỉ cơ quan thanh tra mới xây dựng kế hoạch thanh tra theo quy định).

Nghị định số 25 là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện hệ thống cơ quan thực hiện chức năng thanh tra trong CAND. Với việc thu gọn đáng kể đầu mối tổ chức, biên chế, bộ máy cơ quan thanh tra trong CAND đã được xây dựng và hoàn thiện theo đúng định hướng của Chính phủ khi tiến hành xây dựng Luật Thanh tra sửa đổi, đó là tăng cường tính tập trung, thống nhất theo cấp hành chính ở trung ương và cấp tỉnh, đồng thời đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng như quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an trong việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Tuy vậy, những sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 25 chưa phải đã khắc phục được hoàn toàn những hạn chế, bất cập trong các quy định của Nghị định số 41, nhất là các quy định liên quan đến hoạt động thanh tra như: Bất cập trong quy định về thời hạn thanh tra, hình thức thanh tra, việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra, quy định về thanh tra viên, cộng tác viên thanh tra... Những bất cập này đã được nhìn nhận, phân tích, đánh giá trong báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 41. Việc sửa đổi những quy định còn bất cập trên đòi hỏi tính thống nhất với những thay đổi trong quy định của Luật Thanh tra đang được nghiên cứu xây dựng sửa đổi. Vì vậy, nhiệm vụ đặt ra là Bộ Công an sẽ phải tiếp tục nghiên cứu, tham mưu Chính phủ trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra CAND sau khi Luật Thanh tra sửa đổi được ban hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Luật Thanh tra năm 2010.
- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về "tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".
- Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06/8/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.
- Nghị định số 41/2014/NĐ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra CAND.
- Báo cáo số 2333/BC-TTCTP ngày 25/12/2019 của Thanh tra Chính phủ về tổng kết 09 năm thi hành Luật Thanh tra.
- Báo cáo số 2379/BC-X05 ngày 18/12/2019 của Thanh tra Bộ Công an về tổng kết thi hành Nghị định số 41/2014/NĐ-CP.



NGƯỜI CÔNG DÂN SỐ 1 ĐI BỎ PHIẾU

Hân hoan tiếng người vang lên
 Bác Hồ bỏ phiếu đầu tiên hội trường
 Bao năm phiếu đạt tuyệt sương
 Hành trình cách mạng tìm đường cứu dân
 Nỗi đau nước mất lầm than
 Tự do, độc lập quý cần dân ta
 Bác về khai sinh nước nhà
 Bầu cử Quốc hội trẻ già ước mong
 Như mọi công dân thỏa lòng
 Bác đi bỏ phiếu hòa đồng cùng dân
 Quốc hội đầu tiên luận bàn
 Đáp xây nền móng nước non vươn tầm
 Để sánh vai bạn xa gần.

Bùi Vũ Liêm





Nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, xử lý vi phạm trong đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Ths. Phạm Tuấn Anh

Giảng viên chính Trường Cán bộ Thanh tra

Nhà nước cũng là một cổ đông hay thành viên góp vốn tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước. Tuy nhiên, Nhà nước là một chủ thể trừu tượng, phải hiện diện thông qua nhiều cơ quan Nhà nước khác nhau, thực tế đó làm cho việc thực hiện các quyền của cổ đông, của thành viên góp vốn trở nên phức tạp. Nhà nước phải quy định cơ chế đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước để quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và giao cho một cơ quan của Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước. Tuy nhiên, để thực hiện quyền trực tiếp của cổ đông,

thành viên góp vốn tại doanh nghiệp thì đòi hỏi phải thông qua một con người cụ thể. Do vậy, Nhà nước phải cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện các quyền của mình. Tại những doanh nghiệp có vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ lớn thì người đại diện phần vốn Nhà nước thường nắm giữ các chức vụ quản lý doanh nghiệp như: Chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc....

Thời gian qua, nhiều vụ việc, vụ án liên quan đến trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, đặc biệt nhiều vụ việc mang tính chất như những “đại án” đã được đưa ra xét xử

nhằm xử lý trách nhiệm của những người vi phạm. Qua các vụ việc được xử lý cho thấy những thiệt hại đối với Nhà nước và doanh nghiệp là đặc biệt lớn, có những hậu quả khó khắc phục được. Điển hình, vụ việc tại Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin); Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines); Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam (PVC)... Qua xử lý những vụ việc trên đặt ra nhiều vấn đề trong cơ chế phát hiện và xử lý trách nhiệm pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước, đặc biệt là nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp có vốn Nhà nước nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm.



1. Một số hạn chế trong phát hiện, xử lý vi phạm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong thời gian qua:

Thứ nhất, nhiều vụ việc vi phạm pháp luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chậm được phát hiện, xử lý trách nhiệm pháp lý chưa nghiêm.

Qua các vụ việc vi phạm pháp luật của người đại diện bị xử lý thời gian qua cho thấy, hành vi vi phạm diễn ra trong thời gian dài, có những trường hợp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng không được phát hiện, xử lý kịp thời. Nhiều trường hợp doanh nghiệp thua lỗ, mất vốn Nhà nước, nhưng người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chưa chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

Trong bản Báo cáo về công tác quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp năm 2018 tại phiên khai mạc kỳ họp thứ Năm của Quốc hội khóa XIV, Chính phủ đã thẳng thắn nhận định: Việc xử lý trách nhiệm người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để xảy ra tham nhũng, sai phạm chưa nghiêm, không tương xứng với số vụ việc tham nhũng được phát hiện, xử lý. Nhìn chung, việc xử lý trách nhiệm của người đại diện khi để xảy ra tham nhũng chưa đạt yêu cầu. Nhiều trường hợp, người có thẩm quyền còn nể nang, né tránh trong việc xử lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước. Đồng thời, báo cáo cũng nhìn nhận, một trong những nguyên nhân của thực trạng tham nhũng vẫn diễn ra nghiêm trọng, với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, diễn ra ở nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành chính là do “khâu xử lý vi phạm, đặc biệt là người đứng đầu, chưa thật nghiêm, thật nặng, chưa đúng người, đúng tội nên chưa đủ sức răn đe”⁽¹⁾.

Thứ hai, hạn chế trong việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Do quy định của pháp luật về các hình thức trách nhiệm pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

còn chưa rõ ràng, nên có rất nhiều hạn chế trong việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện. Trong xử lý trách nhiệm của người đại diện thời gian vừa qua cho thấy pháp luật chưa dự liệu được các trường hợp để xử lý, ví dụ: Chưa cần trọng, thiện chí trong thực hiện trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; không quan tâm tới chiến lược phát triển doanh nghiệp, buông lỏng quản lý, thiếu kiểm soát hoặc dung túng cán bộ dưới quyền vi phạm; khi thấy mình không đủ năng lực để quản lý doanh nghiệp thì không chịu rút lui, tham quyền, cố vị; khi không hoàn thành trách nhiệm thì đùn đẩy trách nhiệm, đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan, cho nhân viên, cho “cơ chế”...

Qua công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện người đại diện phần vốn Nhà nước có hành vi vi phạm gây thiệt hại thực tế nhưng chưa có cơ chế hữu hiệu để buộc người đại diện bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, cho doanh nghiệp. Đương nhiên, Nhà nước hoặc doanh nghiệp có thể thực hiện cơ chế khởi kiện tại tòa án để yêu cầu người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, nếu thực hiện cơ chế đó sẽ mất rất nhiều thời gian mà người vi phạm có thể đã kịp thời tẩu tán tài sản. Một số đại án vừa qua, mặc dù người nắm giữ các chức vụ quản lý trong doanh nghiệp Nhà nước bị tòa án tuyên phạm tội và phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước nhưng số tiền cưỡng chế thu hồi được đạt tỷ lệ khiêm tốn so với số thiệt hại được xác định. Do vậy, rất cần có cơ chế để kịp thời yêu cầu người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp đang giữ các chức vụ quản lý trong doanh nghiệp có vốn Nhà nước phải bồi thường thiệt hại kịp thời. Đây có thể coi là cơ chế tiền tố tụng.

Thứ ba, có sự chồng chéo trong quản lý, xử lý trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xảy ra hành vi vi phạm.

Thực tế hoạt động của doanh nghiệp có vốn Nhà nước thời gian qua cũng cho thấy, việc giao các bộ, ngành, địa phương làm đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại

doanh nghiệp có những điểm chưa phù hợp. Cơ chế này còn bộc lộ khiếm khuyết, hạn chế hiệu quả trong thực hiện quyền chủ sở hữu, quản lý và sử dụng vốn, tài sản Nhà nước cũng như công tác cán bộ. Bộ chủ quản vừa làm chức năng quản lý Nhà nước về chuyên môn, vừa là chủ sở hữu vốn Nhà nước, chi phối nhân sự cấp cao của doanh nghiệp, cùng các kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển, nghĩa là “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Khi xảy ra vi phạm thì đương nhiên họ sẽ có xu hướng bao che, bao biện cho người của mình được cử làm đại diện vốn Nhà nước và có thể liên quan đến chính sai phạm của họ. Do đó, cần tách bạch chức năng quản lý Nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa XII, Chính phủ đã quyết định thành lập Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp với mục tiêu quản lý các tập đoàn, tổng công ty có quy mô lớn, quan trọng thuộc diện chuyển giao từ các bộ, UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Đây là giải pháp nhằm tạo đột phá, thay đổi cơ bản trong việc quản lý doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước, với kỳ vọng bảo đảm công khai, minh bạch trong đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước, tăng cường trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với việc đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm, yếu tố gia đình, “sân sau” chi phối hoạt động của doanh nghiệp.

Thứ tư, việc xác định trách nhiệm bồi thường chưa rõ ràng, khả năng thu hồi tiền thiệt hại còn thấp.

Báo cáo của Chính phủ về tình hình quản lý, sử dụng vốn Nhà nước giai đoạn 2011 - 2016 cho thấy, Thanh tra Chính phủ đã ban hành kết luận 19 cuộc thanh tra tại các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, phát hiện số tiền sai phạm gần 346.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, cơ quan thanh tra chỉ kiến nghị thu hồi 1.038 tỷ đồng về ngân sách và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý trên 344.830 tỷ đồng.⁽²⁾ Như vậy, mặc dù sai phạm là lớn nhưng chưa thấy xác định trách nhiệm bồi thường của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Đây



là một lỗ hổng lớn trong áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Nếu không xác định trách nhiệm bồi thường của cá nhân người đại diện mà đổ đồng thành sai phạm của doanh nghiệp thì chưa đảm bảo xử lý đúng đối tượng.

Qua các vụ việc đã đưa ra xét xử, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bị xử lý hình sự, nhưng việc thu hồi tiền thiệt hại rất khó khăn. Ví dụ vụ việc tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, ông Đinh La Thăng bị tuyên bồi thường 600 tỷ đồng, nhưng không có khả năng thu hồi. Đây là một thực tế cho thấy quy định về trách nhiệm bồi thường đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp còn hạn chế và trên thực tế nhiều vụ việc không thu hồi được tiền thiệt hại.

Thứ năm, hạn chế trong việc áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Trong thời gian qua, đã xảy ra nhiều vụ việc người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Thậm chí, nhiều vụ việc đã trở thành các “đại án” với nhiều bị can, bị cáo và gây thiệt hại vô cùng lớn cho Nhà nước và doanh nghiệp. Điều này không chỉ gây tổn thất cho vốn, tài sản Nhà nước, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mà còn tổn thất về mặt cán bộ. Nếu những hành vi vi phạm của họ được ngăn chặn kịp thời và việc áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với người đại diện được thực hiện mau chóng, nghiêm minh thì họ đã không “trượt chân” dài gây nên những hậu quả nghiêm trọng. Do vậy, trách nhiệm kỷ luật đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp không chỉ mang tính răn đe, xử lý đối với người có hành vi vi phạm mà còn như “phanh hãm” ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm.

2. Một số giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm pháp luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Trong phạm vi bài viết này, tác giả xin đưa ra một số giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời vi phạm pháp luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

Thứ nhất, tăng cường việc quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Đẩy mạnh cải cách quản lý vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên cả bốn nội dung: Cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; gắn cải cách khu vực kinh tế có vốn Nhà nước với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đẩy lùi tham nhũng tiêu cực; cải cách trong quản lý vốn Nhà nước phải được tiến hành đồng bộ với quy định và thực hiện chặt chẽ trách nhiệm pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có năng lực, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tính kỷ luật, kỷ cương gắn với cải cách chế độ tiền lương, nâng cao đời sống của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm, ý thức pháp luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Khi người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có ý thức pháp luật nghề nghiệp cao, nhận thức đầy đủ và sâu sắc pháp luật về trách nhiệm pháp lý cũng như các văn bản pháp luật có liên quan thì việc thực hiện vai trò của họ sẽ tốt hơn. Trước hết, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, giải thích văn bản pháp luật về nghĩa vụ, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Hai là: tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Cần tạo ra một đội ngũ người đại diện có ý thức pháp luật nghề nghiệp cao. Chú trọng đào tạo những kiến thức pháp lý cơ bản và việc bồi dưỡng thường xuyên những kiến thức mới và các quy định pháp luật mới của Nhà

nước. Ba là: kết hợp việc giáo dục pháp luật về trách nhiệm pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, với giáo dục văn hóa kinh doanh, quản trị doanh nghiệp. Khi một người có trình độ văn hóa cao, có kỹ năng quản trị doanh nghiệp thì việc tuân thủ pháp luật sẽ được tăng cường.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thanh tra và kiểm tra là những chức năng thiết yếu của hoạt động quản lý, nó có vai trò hết sức to lớn trong việc bảo đảm pháp chế và kỷ luật Nhà nước. Hoạt động thanh tra, kiểm tra giúp cho các cơ quan quản lý Nhà nước phát hiện ra các vụ việc vi phạm pháp luật, ngăn ngừa vi phạm, đồng thời bảo đảm việc quản lý vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp có hiệu quả, đánh giá được thực trạng đầu tư vốn Nhà nước.

Bên cạnh việc đổi mới về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với công tác đầu tư và quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty cần phải tổ chức và tăng cường hơn nữa hoạt động kiểm tra nội bộ. Triển khai thực hiện tốt hoạt động kiểm tra nội bộ trong các tập đoàn, tổng công ty sẽ là một trong những biện pháp ngăn ngừa hữu hiệu nhất tình trạng vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm kỷ luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và ở các công ty con nói riêng.

Thứ tư, kiện toàn các cơ quan thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan quản lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Quy định rõ thẩm quyền, đầu mối, trách nhiệm trong việc phát hiện, xử lý các sai phạm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Cần có văn bản quy định việc phối hợp trong xử lý trách nhiệm đối với người đại diện phần vốn Nhà nước



tại doanh nghiệp có vi phạm, đảm bảo chặt chẽ, phù hợp. Từ đặc thù của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cần có các quy định riêng cũng như giải pháp trong việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Trình tự, thủ tục trong xem xét trách nhiệm pháp lý của người đại diện cần được quy định rõ ràng làm cơ sở cho việc áp dụng. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm thì cơ quan thanh tra thực hiện các thủ tục nào để áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện hay chuyển cho cơ quan quản lý của người đại diện thực hiện xử lý trách nhiệm pháp lý của người đại diện, trách nhiệm trong việc không xử lý đối với người đại diện như thế nào?

Qua những vụ án lớn liên quan đến trách nhiệm pháp lý của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp xảy ra trong thời gian qua cho thấy: Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm, nhưng hành vi vi phạm không bị ngăn chặn, xử lý kịp thời dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng về sau. Điều này cho thấy quy định về trình tự, trách nhiệm, thẩm quyền trong áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp còn thiếu, chưa rõ ràng.

Thứ năm, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, xử lý nhanh chóng, kịp thời, đúng tính chất, mức độ các hành vi vi phạm pháp luật trong đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp

Xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan công an, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra, kiểm tra Đảng về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, nhất là hành vi tham nhũng, trong đó quy định rõ chức trách, nhiệm vụ của các cơ quan điều tra, kiểm sát, thanh tra, kiểm tra trong việc xử lý hành chính, hình sự và xử lý kỷ luật đối với người đại diện có hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tham nhũng, tiêu cực. Đồng thời, cần ban hành quy định hướng dẫn thống nhất trong toàn quốc về trình tự, cách thức áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý, chế tài đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện tốt quy định này.

Các doanh nghiệp có vốn Nhà nước hiện nay đang nắm giữ một lượng tài sản lớn⁽³⁾ và hoạt động trong các ngành kinh tế nền tảng của đất nước. Do vậy, việc đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật trong đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là yêu cầu cấp bách để đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp, bảo toàn phát triển vốn Nhà nước và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội khác. Trong đó yêu cầu

quan trọng là nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp. Đồng thời, phát hiện, nhân rộng các nhân tố tích cực, tăng cường chế độ cho người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, gắn với hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tạo điều kiện thúc đẩy người đại diện đặc biệt là những người được giao giữ các chức vụ tại doanh nghiệp năng động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp./.

Chú thích:

(1) Báo cáo số 16/BC-DGS ngày 25/5/2018 của đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011-2016;

(2) Chính phủ (2018), Báo cáo số 217/BC-CP về việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011 - 2016;

(3) Báo cáo số 496/BC-CP của Chính phủ về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc cho thấy năm 2019 tổng tài sản của 491 doanh nghiệp Nhà nước là 2.992.834 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2018.





Bản lĩnh chính trị của cán bộ thanh tra Công an nhân dân - Yếu tố quyết định đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng

 **Hàn Anh Tuấn**

Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa



Cán bộ Phòng Thanh tra Công an thành phố Hải Phòng phát huy hiệu quả mô hình Câu lạc bộ Pháp luật

Theo V.I.Lênin, “người có bản lĩnh chính trị phải là người dám theo đuổi một chính sách cứng rắn thẳng tay chứ không theo “cái chính sách dao động, do dự, mập mờ, những thủ đoạn ngoắt ngoéo làm thình, là người cương quyết, không ngả nghiêng, hết sức gan dạ và anh dũng, không dao động nhút nhát”⁽¹⁾. Trong hoạt động thực tiễn của mỗi người, bản lĩnh chính trị không phải là một phẩm chất đạo đức riêng lẻ mà được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, trong nhiều mối

quan hệ giữa cá nhân đó với các chủ thể khác và đặc biệt được thể hiện rất rõ nét trong quan điểm, thái độ, hành vi chính trị của cá nhân đó. Đối với lực lượng Công an nhân dân (CAND), bản lĩnh chính trị của người cán bộ, chiến sĩ không mang tính bẩm sinh, không do bẩm sinh hay tự nhiên có, mà được hình thành từ kết quả của quá trình bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, thử thách thường xuyên, liên tục, lâu dài trong thực tiễn công tác, chiến đấu. Trong đó yếu tố cơ bản hàng đầu, mang ý nghĩa quyết định là tính chính trị tư tưởng, tính khoa học,

tính đúng đắn, sáng tạo của nền tảng tư tưởng, đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thức được tầm quan trọng của bản lĩnh chính trị, Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ CAND, coi đó là mặt trận hàng đầu góp phần xây dựng lực lượng CAND trong sạch, vững mạnh.

Là một bộ phận trong tổ chức bộ máy CAND, đồng thời, là lực lượng chủ công, nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng, chống



tham nhũng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, những năm qua, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, đội ngũ cán bộ thanh tra CAND không ngừng được rèn luyện, tu dưỡng về phẩm chất đạo đức, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ, năng lực công tác ngày được nâng cao... lập nên những thành tích đặc biệt xuất sắc, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, được Đảng, Nhà nước, Bộ Công an và quần chúng Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao.

Với phương châm hành động “xây dựng lực lượng thanh tra CAND vững mạnh, kỷ cương, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác công an trong tình hình mới”, trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2020, Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ Công an đã ban hành 186 văn bản liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng trong CAND. Bộ Công an đã tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện thể chế góp phần phòng ngừa tham nhũng; đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng tham mưu ban hành 131 văn bản; trực tiếp ban hành 1.642 văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan đến phòng, chống tham nhũng. Trong công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, các cơ quan truyền thông trong CAND đã xây dựng kế hoạch viết bài, đưa tin trên 24.700 bài viết tuyên truyền về công tác phòng, chống tham nhũng; phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhằm chống phá Đảng, Nhà nước; qua đó góp phần xử lý các vụ án tham nhũng; biểu dương kịp thời các gương người tốt, việc tốt, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Bên cạnh đó, thanh tra công an các cấp đã tiếp nhận 1.074 tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố về tội phạm tham nhũng, đã xử lý 100% các nguồn tin, trong đó kết luận, giải quyết 863 đơn theo chức năng, nhiệm vụ, khởi tố 292 vụ án, 409 bị can. Đồng thời, đã phát hiện nhiều tồn tại, hạn chế trong các mặt công tác của lực lượng công an các cấp như: Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, hàng hóa trong CAND; tiếp nhận, quản lý, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, công tác bắt, tạm giữ, tạm giam, điều tra,

xử lý tội phạm của lực lượng CAND; thanh tra việc thực hiện các quy định về thực hiện dân chủ trong một số nội dung của công tác xây dựng lực lượng CAND; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của lực lượng cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ; công tác tuyển sinh, đào tạo hệ sau đại học và hệ đại học vừa làm, vừa học tại một số học viện, nhà trường trong CAND; việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác tuần tra kiểm soát, điều tra, giải quyết tai nạn và quản lý, sử dụng kinh phí trong lĩnh vực đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ; việc chấp hành pháp luật về thi hành án hình sự; việc chấp hành pháp luật về phòng cháy chữa cháy; thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước; công tác quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; việc quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế, mua sắm thiết bị y tế và vật tư y tế; đầu thầu thuốc... qua đó kiến nghị với lãnh đạo Bộ chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương tổ chức chấn chỉnh, xử lý sai phạm, chấp hành nghiêm pháp luật và các quy định, quy trình công tác của lực lượng CAND. Điều nổi bật nhất trong giai đoạn này là có hơn 12.000 lượt cán bộ, chiến sĩ công an liêm khiết không nhận hối lộ trong thực hiện nhiệm vụ⁽²⁾.

Thực tiễn chính là thước đo bản lĩnh chính trị của người cán bộ thanh tra CAND. Bản lĩnh chính trị của cán bộ thanh tra được cấu thành bởi các yếu tố như tri thức và ý chí rèn luyện trong thực tiễn. Trong đó, tri thức là những kiến thức được mỗi cán bộ tích lũy qua thực tiễn công tác và cuộc sống. Ý chí rèn luyện trong thực tiễn là năng lực tự giác của bản thân phấn đấu, cố gắng vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chính vì thế, hơn bao giờ hết mỗi cán bộ thanh tra CAND phải luôn đề cao danh dự và tự xây dựng, rèn luyện bản lĩnh chính trị để có khả năng “miễn dịch” trước những viên đạn bọc đường, kiên quyết không để lợi ích cá nhân đánh mất phẩm chất. Đúng như lời của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 73 (tháng 01/2018) đã nhắc nhở: “Hãy luôn luôn ghi nhớ, khắc sâu vào tâm trí mình và thực hiện cho bằng được chân lý: “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”; “Còn Đảng thì còn mình”; “Danh dự là điều thiêng liêng, cao quý nhất!”.

Kết quả đấu tranh với tham nhũng đạt được thời gian qua thể hiện nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, địa phương, các lực lượng và quần chúng nhân dân trong cả nước, trong đó có sự đóng góp rất lớn của lực lượng thanh tra CAND với vai trò chủ công, nòng cốt. Có được những thành tích đáng tự hào đó, trước hết phải khẳng định, lực lượng thanh tra CAND luôn được Đảng, Nhà nước, Bộ Công an quan tâm chỉ đạo sát sao cả về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo; đồng thời Đảng ủy, lãnh đạo Thanh tra Bộ Công an và công an các đơn vị, địa phương luôn coi trọng và làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ thanh tra; lãnh đạo công an các đơn vị, địa phương luôn gương mẫu, đi đầu, là tấm gương sáng để cán bộ, chiến sĩ noi theo; quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng các mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng; lấy 6 điều Bác Hồ dạy làm mục tiêu và phương châm hành động, là kim chỉ nam cho mọi hành động đi đến thắng lợi của lực lượng thanh tra CAND.

Trong bối cảnh hiện nay, tình trạng tham nhũng với nhiều diễn biến phức tạp, đã và đang làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Tính chất, mức độ nguy hiểm, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Để thực hiện thành công mục đích vụ lợi, tội phạm tham nhũng sẽ không từ một phương thức, thủ đoạn nào; các đối tượng sẽ triệt để lợi dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật để thực hiện hành vi đưa, nhận tài sản, trong thỏa thuận, tấu tạt tài sản tham nhũng.⁽³⁾ Các đối tượng thực hiện hành vi tham nhũng sẽ tìm mọi cách mua chuộc, hủ hóa lực lượng chức năng, trong đó có lực lượng thanh tra CAND để bỏ qua hành vi phạm tội và có điều kiện thuận lợi tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm. Xuất phát từ thực trạng trên, để nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ thanh tra CAND trong tình hình hiện nay cần tập trung thực hiện đồng bộ một số nội dung cơ bản sau đây:

Một là, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ thanh tra CAND gắn với thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh



làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và việc xây dựng hình ảnh người cán bộ thanh tra CAND bản lĩnh, nhân văn, vì Nhân dân phục vụ.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy: “Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ là cái xác không hồn”⁽⁴⁾. Do đó, giáo dục chính trị, tư tưởng là yếu tố quan trọng hàng đầu để tạo nền tảng chính trị cho cán bộ thanh tra CAND, từ đó tiếp tục bồi đắp, rèn luyện trong thực tiễn, trong cuộc sống. Đặc biệt, trong giáo dục chính trị, tư tưởng cần chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, 6 điều Bác Hồ dạy CAND, quan điểm, chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm phương châm, nguyên tắc, căn cứ triển khai các hoạt động thanh tra. Đảm bảo hiệu quả thực chất trong giáo dục đạo đức, lối sống, đi đôi với giáo dục phong cách làm việc khoa học, cụ thể, sâu sát đến cơ sở. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả, chú trọng giáo dục, tôn vinh những tấm gương tiêu biểu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Qua đó, xây dựng động cơ nghề nghiệp đúng đắn, nâng cao ý thức trách nhiệm, tính trung thực, tự giác của mỗi cán bộ, giữ vững phẩm chất tốt đẹp của người cán bộ thanh tra, xứng đáng “là tai mắt của trên, là người bạn của dưới”.

Hai là, xây dựng lực lượng thanh tra CAND trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường biên chế cho lực lượng thanh tra CAND đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, nhất là cấp cơ sở, trong đó cần phải bố trí biên chế cán bộ được đào tạo đúng chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, tăng cường công tác quản lý cán bộ, chủ động phòng ngừa, bảo vệ cán bộ thanh tra khỏi cám dỗ về vật chất, giữ gìn sự trong sạch nội bộ. Kiên quyết xử lý nghiêm minh những trường hợp cán bộ thanh tra thoái hoá, biến chất, vi phạm điều lệnh, quy trình công tác. Thường xuyên quan tâm tới công tác đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, lý luận chính trị; quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo, chỉ huy cho đội ngũ cán bộ thanh tra. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra mới ra trường, còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn.

Ba là, phát huy tính tích cực, tự giác rèn luyện của mỗi cán bộ thanh tra CAND nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị cho bản thân... Bản lĩnh chính trị không hình thành một cách tự phát mà phải trải qua một quá trình tự giác tu dưỡng, rèn luyện, bền bỉ. Vì vậy, mỗi cán bộ thanh tra phải tự giác trong tu dưỡng, rèn luyện, “phải cố gắng học tập, học cái hay, tránh cái dở, trau dồi đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ và trình độ chuyên môn”; nâng cao năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, bảo đảm luôn vững vàng, kiên định, sáng tạo, công tâm, khách quan và gương mẫu. Bên cạnh đó, cần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng; có ý thức đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí với quyết tâm chính trị cao hơn, hành động mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn theo phương châm kết hợp chặt chẽ giữa chủ động phòng ngừa với phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, không có vùng cấm, không có ngoại lệ...

Bốn là, thường xuyên đổi mới các biện pháp tạo động lực làm việc, quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ thanh tra CAND. Các cơ quan thanh tra trong CAND cần quan tâm, chia sẻ khó khăn, động viên kịp thời cán bộ và gia đình để họ có thể yên tâm công tác. Tập trung nghiên cứu, đề xuất Nhà nước ban hành hệ thống văn bản quy định về chính sách tiền lương, cấp bậc hàm, phụ cấp, chế độ đãi ngộ, chính sách ưu đãi đối với cán bộ thanh tra CAND theo hướng đồng bộ, phù hợp với đặc điểm công tác, bảo đảm tính công bằng, thực sự là “đòn bẩy” thúc đẩy cán bộ hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, các tấm gương điển hình trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đồng thời ngăn chặn các biểu hiện sai phạm của cán bộ, bảo vệ người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm những người lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, gây chia rẽ,

làm mất đoàn kết nội bộ. Chú trọng việc nêu gương người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; khắc phục tình trạng “việc làm đúng, gương người tốt không được đề cao, bảo vệ, những sai sót, vi phạm không được phê phán, xử lý nghiêm minh”.

Năm là, tạo môi trường cho cán bộ thanh tra CAND được thử thách, rèn luyện bản lĩnh chính trị. Môi trường có tính thử thách là những môi trường mới đối với mỗi cán bộ, chiến sĩ hoặc những nhiệm vụ có yêu cầu cao hơn so với môi trường công việc hiện tại. Thực tế cho thấy, bản lĩnh chính trị của cán bộ thanh tra có điều kiện được bộc lộ khi họ được hoạt động trong môi trường có nhiều thử thách, trong tình huống phức tạp. Càng nhiều khó khăn, thử thách, thì càng bộc lộ rõ bản lĩnh chính trị. Bên cạnh đó, bản lĩnh chính trị sẽ được tôi luyện, vững vàng trong môi trường công tác có nhiều khó khăn, thử thách, có nhiều cám dỗ.

Sáu là, tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ thanh tra CAND trong việc rèn luyện bản lĩnh chính trị và chấp hành kỷ luật, điều lệnh công tác. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những khuyết điểm, sai phạm của đội ngũ cán bộ thanh tra CAND, có biện pháp giúp đỡ, hướng dẫn họ hoàn thành nhiệm vụ, từng bước xây dựng bản lĩnh chính trị. Đồng thời, tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá thực trạng rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho họ qua thực tiễn công tác, chiến đấu; qua đó chỉ rõ ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm, đưa ra phương hướng, giải pháp đúng đắn, phù hợp trong việc rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đội ngũ cán bộ thanh tra trong thời gian tới./.

Chú thích:

(1) V.I.Lênin (1979), Toàn tập, tập 40, Nxb. Tiến Bộ, Mátxcova, tr.150.

(2) <http://bocongan.gov.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-cua-luc-luong-cong-an/tin-hoat-dong-cua-bo/luc-luong-cong-an-nhan-dan-giu-vung-vai-tro-la-luc-luong-di-dau-dot-pha-trong-cong-ta-c-phong-chong-tham-nhung-d2-t29344.html>

(3) GS.TS Tô Lâm (2019), Tham nhũng và hoạt động của CAND trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

(4) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.62.



Vai trò của đối tượng thanh tra

trong hoạt động thanh tra

 **Ths. Lê Văn Đức**

Phó Trưởng phòng, Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra

» **“Đối tượng thanh tra”** được hiểu là chủ thể có quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định mà hoạt động thanh tra tác động đến nhằm xem xét, đánh giá, kết luận việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn hoặc một công việc cụ thể có liên quan trực tiếp tới nội dung thanh tra. Việc xác định thống nhất, đầy đủ và có cách tiếp cận rõ ràng về đối tượng thanh tra có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động thanh tra.

Cụ thể:

Thứ nhất, việc xác định mô hình tổ chức các cơ quan thanh tra

Hiện nay, các cơ quan thanh tra được thiết lập theo mô hình tổ chức các cơ quan hành chính Nhà nước theo nguyên tắc ở đâu có hoạt động quản lý Nhà nước thì ở đó thành lập cơ quan thanh tra mà chưa xem xét đến nội dung, phạm vi, tính chất phức tạp của hoạt động quản lý Nhà nước. Hiện nay, ở các địa phương, nhất là cấp huyện và cấp sở, hệ thống các cơ quan thanh tra còn hạn chế về quy mô và phạm vi hoạt động, nhiều cơ quan thanh tra sở chỉ có 2-3 biên chế; thanh tra cấp huyện trung bình chỉ có 3-7 biên chế. Điều này dẫn đến các cơ quan thanh tra khó có thể thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trên các lĩnh vực công tác. Việc xác định đối tượng thanh tra phải căn cứ vào quy mô, nội dung, tính chất của hoạt động quản lý, từ đó thiết lập tổ



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

chức bộ máy các cơ quan thanh tra phù hợp. Trong phạm vi quản lý Nhà nước ở ngành, lĩnh vực, nếu phạm vi quản lý hẹp, nội dung quản lý không quá đặc thù, phức tạp thì nhiệm vụ thanh tra hoàn toàn có thể giao cho một cơ quan thanh tra theo cấp hành chính thực hiện mà không nhất thiết mỗi ngành, lĩnh vực lại thành lập một cơ quan thanh tra như hiện nay. Tương tự, ở cấp huyện với phạm vi địa bàn không quá rộng, dân số ít, không có nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, không có nhiều doanh nghiệp hoạt động thì cũng không nhất thiết phải thành lập một tổ chức thanh tra trên địa bàn mà có thể giao nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra huyện cho thanh tra tỉnh thực hiện.

Thứ hai, việc xây dựng và áp dụng trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra

Pháp luật về thanh tra hiện chỉ quy định trình tự, thủ tục chung áp dụng trong

hoạt động thanh tra mà chưa có trình tự, thủ tục áp dụng riêng đối với từng loại hình thanh tra. Với hoạt động thanh tra hành chính, đối tượng thanh tra là cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước và các doanh nghiệp Nhà nước, các đối tượng này ngoài việc chịu sự điều chỉnh của pháp luật thanh tra còn phải chấp hành các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; chấp hành sự chỉ đạo của thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước là đối tượng thanh tra. Vì vậy, khi tiến hành thanh tra, trình tự, thủ tục áp dụng cho nhóm đối tượng này có sự khác biệt và trong quan hệ phối hợp với đoàn thanh tra cũng có những thuận lợi nhất định.

Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước là đối tượng thanh tra của hoạt động thanh tra chuyên ngành, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra có sự khác biệt đối với hoạt động thanh tra hành



chính. Trong hoạt động thanh tra chuyên ngành, đoàn thanh tra có thể áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với đối tượng thanh tra, nhưng đối với hoạt động thanh tra hành chính, việc xử lý kỷ luật đối với đối tượng thanh tra là cán bộ, công chức, viên chức phải tuân theo các trình tự, thủ tục do pháp luật thanh tra và pháp luật cán bộ, công chức, viên chức quy định. Vì vậy, việc xác định đối tượng thanh tra có ý nghĩa khi xây dựng và áp dụng trình tự, thủ tục trong hoạt động thanh tra.

Thứ ba, việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra.

Trong hoạt động thanh tra có nhiều đối tượng có liên quan mà đoàn thanh tra phải tiến hành kiểm tra, xác minh. Việc xác định rõ ràng, đầy đủ đối tượng thanh tra và đối tượng kiểm tra, xác minh sẽ bảo đảm cho hoạt động của đoàn thanh tra được thực hiện thuận lợi và bảo đảm cho các đối tượng có liên quan đến hoạt động thanh tra thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định, nhằm phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra.

Mặt khác, việc xác định rõ ràng đối tượng thanh tra, đối tượng kiểm tra, xác minh sẽ giúp cho việc xác định nội dung, phạm vi thanh tra ngay từ khi xây dựng kế hoạch thanh tra. Trên thực tế, việc xác định rõ ràng đối tượng thanh tra phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có nội dung thanh tra; quy định pháp luật về phân công nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể quản lý; quy chế làm việc, chế độ làm việc... Chính vì vậy, nếu đối tượng thanh tra không được xác định rõ ràng, cụ thể thì những chủ thể có liên quan đến đối tượng thanh tra sẽ rất rộng. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, có những đối tượng trực tiếp tác động lên kết quả công việc. Mỗi chủ thể này được giao quản lý hoặc thực hiện những công việc khác nhau và có quyền, nghĩa vụ khác nhau nên việc không quy định rõ đối tượng thanh tra sẽ khó xác định được phạm vi, nội dung và thời hạn thanh tra.

Việc xác định rõ đối tượng thanh tra có ý nghĩa khi đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra, trong đó nếu cuộc thanh tra có nhiều đối tượng có liên

quan (doanh nghiệp, cơ quan thuế, hải quan...) thì đoàn thanh tra phải có kế hoạch tiến hành kiểm tra, xác minh cụ thể, bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung, phạm vi của cuộc thanh tra, tránh tình trạng đang trong quá trình thanh tra phát sinh thêm nội dung, đối tượng cần xác minh gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của cuộc thanh tra.

Một số bất cập, hạn chế:

Thứ nhất, pháp luật về thanh tra không quy định khái niệm đối tượng thanh tra, đối tượng có liên quan trong hoạt động thanh tra.

Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành không đưa ra khái niệm về đối tượng thanh tra và đối tượng có liên quan đến hoạt động thanh tra. Tuy nhiên, trong khái niệm về thanh tra có đề cập đến nội hàm về đối tượng thanh tra. Luật Thanh tra năm 2010 quy định: “Thanh tra Nhà nước là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thanh tra Nhà nước bao gồm thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành” (khoản 1, Điều 3).

Luật Thanh tra năm 2010 cũng đưa ra khái niệm về hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành. Cụ thể, “thanh tra hành chính là hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao” (khoản 2, Điều 3); “thanh tra chuyên ngành là hoạt động thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo ngành, lĩnh vực đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành, quy định về chuyên môn - kỹ thuật, quy tắc quản lý thuộc ngành, lĩnh vực” (khoản 3, Điều 3).

Có thể nhận thấy, Luật Thanh tra năm 2010 đã có sự không thống nhất khi quy định về đối tượng thanh tra trong hoạt động thanh tra. Trong khái niệm về thanh tra Nhà nước, đối tượng thanh tra được xác định là “việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn” của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trong khái niệm về hoạt

động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, đối tượng thanh tra được xác định là “cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

Luật Thanh tra năm 2010 không đưa ra khái niệm về đối tượng thanh tra (là chủ thể hay hoạt động), nhưng trong các điều luật khác hoặc các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành đều tiếp cận đối tượng thanh tra là cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân. Việc không đưa ra khái niệm về đối tượng thanh tra và đối tượng có liên quan trong các văn bản pháp luật về thanh tra đã gây khó khăn tới việc xác định nội dung, phạm vi, thời hạn thanh tra; là một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng một số đoàn thanh tra mở rộng phạm vi thanh tra, tiến hành kiểm tra, xác minh tới nhiều đơn vị, doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, pháp luật về thanh tra chưa xác định đầy đủ, rõ ràng về quyền của đối tượng có liên quan trong hoạt động thanh tra; chưa có cơ chế pháp lý đầy đủ, chặt chẽ để đối tượng thanh tra thực hiện quyền của mình trong hoạt động thanh tra.

Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về quyền của các đối tượng có liên quan trong hoạt động thanh tra mà chỉ quy định nghĩa vụ của các chủ thể này trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu cho đoàn thanh tra; nghĩa vụ thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra. Về thực hiện quyền đối tượng thanh tra, cụ thể là thực hiện quyền khiếu nại đối với kết luận thanh tra, pháp luật về thanh tra chưa có cơ chế riêng biệt để đối tượng thanh tra thực hiện quyền khiếu nại đối với kết luận thanh tra một cách thuận lợi, phù hợp với tính chất hoạt động của đoàn thanh tra. Theo đó, việc khiếu nại đối với kết luận thanh tra được thực hiện theo pháp luật về khiếu nại. Nghị định 86/2011/NĐ-CP quy định thủ trưởng cơ quan thanh tra, thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước đã có kết luận hoặc quyết định xử lý về thanh tra có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Quy định này cũng tương tự như thẩm quyền giải quyết trong khiếu nại hành chính, đó là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị có quyết định hành chính bị khiếu nại thì người đứng đầu cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết. Tuy nhiên, trong hoạt động thanh tra, thẩm quyền ra quyết định thanh tra thuộc hai chủ thể khác nhau: Thủ trưởng cơ



quan quản lý Nhà nước và thủ trưởng cơ quan thanh tra.

Theo Luật Khiếu nại năm 2011, trình tự, thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với các chủ thể là khác nhau, được xác định theo thứ bậc hành chính. Nếu thủ trưởng cơ quan thanh tra ra quyết định thanh tra, thì họ là người giải quyết khiếu nại đối với kết luận thanh tra do mình ban hành (lần một) và thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai thuộc về thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp. Điều đó cho thấy, việc giải quyết khiếu nại đối với kết luận thanh tra (xét về bản chất có nội dung giống nhau) lại do hai cấp khác nhau giải quyết và điều đó có thể dẫn đến kết quả giải quyết khác nhau và không đảm bảo sự bình đẳng đối với đối tượng thanh tra.

Thứ ba, tồn tại hiện tượng cán bộ, công chức cố tình thực hiện thanh tra vượt quá phạm vi, nội dung, đối tượng nhằm mục đích vụ lợi.

Cụ thể là việc không xác định đầy đủ các đối tượng có liên quan đến nội dung thanh tra trong quyết định thanh tra, kế hoạch thanh tra khi tiến hành thanh tra để thực hiện việc kiểm tra, xác minh với nhiều đối tượng; kiểm tra, xác minh tràn lan nhiều đối tượng khác nhau. Điều này dẫn đến cuộc thanh tra không có trọng tâm, trọng điểm, gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra, tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; thủ trưởng cơ quan thanh tra khó quản lý thành viên đoàn thanh tra, có nguy cơ dẫn đến hành vi tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra.

Việc xác định đầy đủ, rõ ràng và thống nhất về đối tượng thanh tra có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra; góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch và phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra.

Một số giải pháp:

Một là, quy định khái niệm về đối tượng thanh tra, đối tượng có liên quan trong Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện tại, pháp luật về thanh tra không quy định khái niệm về đối tượng thanh tra, đối tượng có liên quan trong hoạt động thanh tra. Do đó, trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Thanh tra năm 2010 cần đưa

khái niệm đối tượng thanh tra, đối tượng có liên quan vào Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối tượng thanh tra nên được tiếp cận theo hướng là cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước cùng cấp với cơ quan được giao tiến hành thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan trực tiếp tới nội dung thanh tra. Đối tượng thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra hoặc các văn bản có liên quan đến hoạt động thanh tra; đối tượng thanh tra phải được xác định rõ ràng, đầy đủ và được công khai khi công bố quyết định thanh tra.

Hai là, quy định đầy đủ các vấn đề pháp lý về đối tượng có liên quan trong hoạt động thanh tra.

Luật Thanh tra cần quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của đối tượng có liên quan trong việc: Quyền từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cho đoàn thanh tra khi đoàn thanh tra không thực hiện đầy đủ yêu cầu, trình tự thủ tục về cung cấp thông tin trong hoạt động thanh tra; yêu cầu cung cấp thông tin vượt quá phạm vi, nội dung thanh tra; quy định quyền giải trình về những vấn đề được nêu trong dự thảo kết luận thanh tra khi kết luận thanh tra đề cập đến những vi phạm của họ (tương tự quyền của đối tượng thanh tra); quyền phản ánh, tố cáo đối với hành vi vi phạm của cán bộ thanh tra trong hoạt động thanh tra; quyền kiến nghị, khiếu nại đối với kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra.

Luật Thanh tra cần thể chế hoá chế tài xử lý đối với đối tượng có liên quan cố tình không hợp tác với đoàn thanh tra trong việc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động thanh tra khi được đoàn thanh tra yêu cầu cung cấp theo đúng trình tự, thủ tục; nội dung thông tin, tài liệu có liên quan trực tiếp tới hoạt động thanh tra và trong phạm vi quản lý của chủ thể này; chế tài xử lý trong trường hợp không thực hiện đầy đủ kết luận thanh tra.

Ba là, xây dựng cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong hoạt động thanh tra.

Theo quy định hiện hành, việc khiếu nại đối với kết luận thanh tra được thực hiện

theo pháp luật về khiếu nại, quy định này là không phù hợp với những đặc thù của hoạt động thanh tra. Vì cơ chế giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan hành chính, trong khi khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong hoạt động thanh tra cần được giải quyết trong phạm vi cơ quan thanh tra vì hoạt động thanh tra có những đặc thù mang tính nghiệp vụ và cơ chế hoạt động độc lập tương đối với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

Vì vậy, Thanh tra Chính phủ cần ban hành cơ chế giải quyết khiếu nại riêng biệt trong hoạt động thanh tra, trong đó quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu của trưởng đoàn thanh tra, thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai là của thủ trưởng cơ quan thanh tra. Cơ chế giải quyết khiếu nại cũng cần quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các đơn vị/bộ phận tham mưu trong việc kiểm tra, xác minh vụ việc khiếu nại, tố cáo.

Bốn là, tăng cường trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra trong việc kiểm soát hoạt động thanh tra.

Thực tế, bằng các biện pháp quản lý, nghiệp vụ, người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra hoàn toàn có thể kiểm soát hoạt động của các thành viên đoàn thanh tra thông qua việc kiểm tra kế hoạch làm việc của các thành viên; phê duyệt danh sách các đối tượng cần kiểm tra, xác minh; yêu cầu đoàn thanh tra xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh đối với những đối tượng có liên quan, có báo cáo kết quả cụ thể việc kiểm tra, xác minh...

Vì vậy, việc kiểm soát của người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra nếu được làm tốt sẽ hạn chế được việc cán bộ, công chức thực hiện ngoài phạm vi, nội dung, đối tượng thanh tra, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra. Do đó, cần nâng cao vai trò, trách nhiệm của người ra quyết định thanh tra, trưởng đoàn thanh tra trong kiểm soát hoạt động thanh tra, góp phần phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra./.



Một số sai phạm thường gặp khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành Luật Ngân sách Nhà nước tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước

 **TS. Tăng Thị Thiệm**

 **Ths. Lại Kim Dung**

Thanh tra Chính phủ



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

trong việc lập, phân bổ, giao dự toán, chấp hành dự toán, công tác kế toán, quyết toán và công khai ngân sách Nhà nước, việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí, công tác chỉ đạo, chấp hành chế độ, định mức, tiêu chuẩn, chính sách về thu, chi ngân sách.

Qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc chấp hành quy định quản lý và sử dụng ngân sách tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các cơ quan có chức năng đã phát hiện ra một số sai phạm thường gặp như sau:

Một là, sai phạm trong khâu lập, phân bổ và giao dự toán

Về lập dự toán: Đối tượng kiểm tra không lập dự toán thu đối với một số khoản thu phí, lệ phí. Dự toán thu chưa bao quát hết nguồn thu (chẳng hạn: Không lập thu phí thẩm định đánh giá tác động môi trường, phí quản lý dự án). Còn thiếu cơ sở khoa học khi lập dự toán biến động tăng, giảm nguồn thu. Lập dự toán số thu thấp, một số khoản chưa căn cứ vào tính pháp lý của các mức thu. Nhiều đơn vị lập dự toán thu thuế không sát với thực tế, đặc biệt là các khoản thu về nhà, đất, tài nguyên, thu từ cổ tức, lợi nhuận còn lại từ các doanh nghiệp Nhà nước (những khoản thu này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách Nhà nước), dẫn đến việc thực hiện phát sinh chi phí rất nhiều so với dự toán. Cụ thể, riêng thu sử dụng đất năm 2018 của cả nước vượt 72% so với dự toán, năm 2019 vượt 68% so với dự toán, làm ảnh hưởng không tốt đến điều hành ngân sách.

Lập dự toán chi thường xuyên còn thiếu căn cứ pháp lý, không dựa trên cơ sở chính sách chế độ. Hầu hết các đơn vị khi lập dự toán thường không căn cứ vào số kiểm tra (không thực hiện giao số kiểm tra hoặc lập dự toán thường cao hơn số kiểm tra được giao); chưa thực sự căn cứ vào các định mức chi tiêu theo quy định. Bên cạnh đó, việc tổng hợp dự toán của đơn vị dự toán cấp trên không căn cứ vào dự toán của đơn vị cấp dưới, chất lượng lập dự toán của các đơn vị dự toán cơ sở còn yếu dẫn đến tính đầy đủ, chi tiết, khoa học, đúng đắn còn hạn chế, thiếu thuyết minh chi tiết. Việc lập dự toán chưa sát dẫn đến cuối năm số dư dự toán nhiều và phải hủy dự

Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (sau đây gọi chung là kiểm tra) việc chấp hành Luật Ngân sách Nhà nước tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước là hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước có chức năng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Nội dung công tác kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý và sử dụng ngân sách tại các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước là: *Kiểm tra việc chấp hành các quy định*



toán (đối với kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ; không lập đầy đủ nội dung các nguồn kinh phí theo nhiệm vụ được giao; còn nhầm lẫn giữa các nội dung nguồn kinh phí (nguồn kinh phí thường xuyên và không thường xuyên...).

Đối với lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi tiết thông tin, biểu mẫu lập dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản chưa đúng quy định. Cơ sở lập dự toán chưa sát với nhu cầu thực tế và chưa đầy đủ; dự án đầu tư mới chưa có quyết định phê duyệt dự án đầu tư theo quy định; lập dự toán bao gồm cả dự án khi chưa giải phóng được mặt bằng xây dựng. Không ít dự toán mới tổng hợp nhu cầu thực tế của các đơn vị, chưa rà soát và cân đối với khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước. Việc lập dự toán mới chỉ là khái toán, chưa được thẩm định chặt chẽ, là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng chậm phân bổ, khó giải ngân các dự án đầu tư. Nhiều dự án lập dự toán cao nhưng thuyết minh chưa đầy đủ, lập vốn đối ứng các dự án nhưng thiếu đánh giá tiến độ giải ngân; một số dự án, đề án mua sắm, đầu tư sửa chữa thiếu thủ tục phê duyệt đầu tư hoặc chưa có danh mục chi tiết.

Về công tác phân bổ và giao dự toán:

Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản: Trên thực tế, tại các đơn vị, việc giao dự toán chậm, chưa phân bổ hoặc phân bổ chưa chi tiết danh mục ngay từ đầu năm, phải điều chỉnh kế hoạch nhiều lần, phân bổ vốn chưa có căn cứ hoặc chưa sát với khả năng thực hiện của dự án, không căn cứ vào kế hoạch đầu tư công trung hạn; việc điều chỉnh kế hoạch vốn chưa đủ cơ sở và chưa lường hết quy hoạch dẫn đến phải hủy kế hoạch vốn. Bên cạnh đó, việc bố trí vốn đầu tư còn dàn trải, chưa ưu tiên các dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành, phát sinh nợ đọng mới và làm giảm hiệu quả vốn đầu tư, thiếu vốn cho các dự án chuyển tiếp nhưng trong năm vẫn tổ chức đấu thầu và chỉ định thầu cho các dự án, thời gian bố trí vốn bị kéo dài so với quy định.

Đối với chi thường xuyên: Nhiều đơn vị không thực hiện phân bổ hết ngay từ đầu năm, còn giao dự toán một số khoản có tính chất dự phòng, một số khoản chi bổ sung vào thời điểm cuối năm (tháng 11; 12) dẫn

đến các đơn vị cơ sở bị động không thực hiện kịp thời phải chuyển sang năm sau thực hiện; giao dự toán cho các đơn vị khi chưa được cơ quan tài chính thẩm định. Ngoài ra, qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan có chức năng còn phát hiện một số dạng sai phạm trong thực hiện giao dự toán như: Giao dự toán trong khi đơn vị không lập dự toán nguồn kinh phí đầu năm; giao dự toán không tự chủ cho các đơn vị trực thuộc không chi tiết đến nhóm mục chi không đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn; giao dự toán không đúng mục lục ngân sách Nhà nước, không có nội dung cụ thể, giao dự toán mua sắm không đúng tiêu chuẩn, định mức. Việc thực hiện điều chỉnh dự toán trong năm không có ý kiến của cơ quan tài chính theo quy định; điều chỉnh sai mục đích sử dụng nguồn kinh phí. Đặc biệt, có lúc, có nơi còn không giao dự toán.

Hai là, sai phạm trong công tác chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ trong quản lý sử dụng ngân sách, tiền và tài sản Nhà nước

Trong những năm gần đây, dạng sai phạm phổ biến trong khâu chấp hành dự toán là việc thực hiện không đúng các quy định về lựa chọn nhà thầu và nhà đầu tư như: Hồ sơ mời thầu của một số dự án chưa đầy đủ theo quy định; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kế hoạch đấu thầu chưa đúng quy định; hồ sơ dự thầu (hồ sơ đề xuất) của một số nhà thầu chưa tuân thủ đầy đủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu; quá trình chấm thầu vẫn còn sai sót; áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không đúng quy định; công tác thương thảo, ký kết hợp đồng chưa bảo đảm theo quy định, một số điều khoản hợp đồng ký kết còn thiếu chặt chẽ gây thất thoát ngân sách Nhà nước.

Về thực hiện chính sách thu: Thu sai đối tượng, sai mức thu, lạm thu vẫn còn diễn ra ở một số đơn vị. Ở nhiều địa phương còn diễn ra tình trạng các doanh nghiệp chậm nộp thuế, nợ đọng thuế, tiền thuế đất, tiền thuế đất. Đối với việc huy động, quản lý các khoản thu từ dân: còn tồn tại tình trạng thu - chi các khoản đóng góp không thực hiện đúng quy định, không công khai, dân chủ từ khâu thu nộp và khâu sử dụng, thanh quyết toán.

Về chi ngân sách có các dạng sai phạm: Chi không đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chi sai nguồn kinh phí, đặc biệt là nhiều đơn vị dùng kinh phí không tự chủ để chi cho các nhiệm vụ chi của kinh phí tự chủ; xác định kinh phí tiết kiệm chưa chính xác, sử dụng kinh phí tiết kiệm không đúng quy định; chi không có trong dự toán; chi không đúng thẩm quyền; ban hành và thực hiện theo chế độ, định mức riêng, nội dung không đúng với chế độ quy định còn phổ biến; thanh toán các khoản chính sách về lương, phụ cấp, công tác phí không đúng đối tượng; thanh toán trùng; vượt định mức các khoản hội nghị, tiếp khách và công tác phí; sử dụng sai mục đích; sử dụng kinh phí để chi tạm ứng, cho cấp dưới và doanh nghiệp vay ngân sách không đúng; không kịp thời thu hồi khi kết thúc ngân sách hàng năm; chi không đúng nguồn, chi không phản ánh qua ngân sách; không có hoặc không đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định; sử dụng nguồn dự phòng ngân sách không đúng tính chất, không đúng mục đích.

Về quản lý tài sản: Nhiều đơn vị còn sử dụng tài sản không đúng mục đích, đối tượng, vượt tiêu chuẩn; chưa xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài sản công; chưa tiến hành xử lý kịp thời các tài sản khi kết thúc dự án, đề tài theo quy định; sử dụng nhà đất không đúng mục đích, cho thuê trái phép, cho mượn sai quy định, bị lấn chiếm, tranh chấp hoặc để hoang hóa; chưa xác định lại giá trị quyền sử dụng đất đối với đất được Nhà nước giao, cho thuê, bỏ ra ngoài sổ sách giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản vô hình; không theo dõi tài sản cố định hoặc theo dõi chưa chặt chẽ, không kiểm kê đánh giá tài sản hoặc có kiểm kê nhưng không đối chiếu thừa thiếu trên sổ sách kế toán.

Bên cạnh đó, việc thực hiện các chủ trương chính sách của Nhà nước trong quản lý điều hành chi còn chưa triệt để thực hành tiết kiệm trong quản lý và sử dụng ngân sách. Một số cơ quan, đơn vị do buông lỏng quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước nên đã xảy ra tình trạng hợp thức hóa đơn, chứng từ, lập khống chứng từ để rút tiền ngân sách hoặc/và nâng khống giá trị hàng hóa, vật tư mua vào để chiếm đoạt tiền, tài sản công; có hành vi chiếm dụng,



chiếm đoạt, tham ô tiền ngân sách Nhà nước với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp, số tiền không nhỏ. Không ít đơn vị xây dựng nhà, sử dụng quỹ đất vượt tiêu chuẩn, không phản ánh vào sổ kế toán và báo cáo quyết toán; dùng vốn đầu tư của các dự án để mua máy móc trang thiết bị đắt tiền cho cơ quan quản lý cấp trên. Tình trạng mượn và cho mượn tài sản diễn ra dưới nhiều hình thức; mượn, sử dụng không đúng mục đích.

Trong quá trình mua sắm máy móc trang thiết bị, nhiều đơn vị không chấp hành trình tự, thủ tục về nghiệm thu thanh toán mua sắm máy móc thiết bị, không đủ điều kiện thanh toán nhưng vẫn được thanh, quyết toán.

Về chuyển số dư, do hạn chế từ công tác lập, phân bổ và giao dự toán cùng với việc triển khai thực hiện chậm nên kinh phí ngân sách cuối năm ở một số đơn vị còn tồn lớn phải xin chuyển sang năm sau thực hiện hoặc hủy dự toán. Một số đơn vị còn có tình trạng chuyển số dư của nội dung kinh phí đã hết nhiệm vụ chi. Kinh phí của một số nội dung có số dư chuyển còn lớn, nguyên nhân là do giao kinh phí chậm, một số nhiệm vụ thực hiện chưa đúng tiến độ, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán không kịp thời. Quyết toán kinh phí đối với những nội dung đã hết thời gian chỉnh lý quyết toán.

Ba là, sai phạm trong công tác kế toán và quyết toán ngân sách

Trong nhóm sai phạm này, qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan chức năng đã phát hiện tại nhiều đơn vị: Chứng từ thanh toán còn chưa đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ như thanh toán đề tài dự án thiếu sản phẩm hoặc sản phẩm sao chép; chi đào tạo không đúng nội dung hợp đồng; thanh toán vé máy bay nhưng không lưu thẻ lên máy bay, không lưu trữ đầy đủ sản phẩm biên soạn tài liệu, sản phẩm thuê khoán chuyên môn thực hiện đề tài.

Hạch toán không đúng mục lục ngân sách Nhà nước đối với khoản chi phụ cấp quản lý đối với cán bộ quản lý và cán bộ viên chức phục vụ đào tạo; hầu hết các đơn vị được kiểm tra hạch toán chưa chính xác hoạt động sự nghiệp, dịch vụ, một số nội dung chi phí; chưa xác định đầy đủ nghĩa

vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hạch toán chưa đúng nội dung quỹ.

Báo cáo quyết toán lập còn chậm so với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Việc lập báo cáo quyết toán còn không chi tiết cụ thể về kinh phí không thường xuyên, chương trình mục tiêu và kinh phí tài trợ, viện trợ theo quy định.

Ngoài ra, công tác thẩm tra, quyết toán chưa thực hiện trước khi tổng hợp quyết toán năm; nhiều trường hợp chưa thẩm định quyết toán của các đơn vị dự toán cấp dưới hoặc không đảm bảo thời gian theo quy định; xác định kết dư và số chuyển nguồn không chính xác; nhiều khoản tạm thu, tạm giữ chưa phản ánh đầy đủ, kịp thời vào ngân sách Nhà nước; số liệu báo cáo quyết toán còn sai lệch.

Để khắc phục tình trạng sai phạm trong quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa cung cấp dịch vụ công. Tổ chức triển khai thật tốt cơ chế khoán chi hành chính đối với các đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp không có thu; có cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp có thu; triển khai, thực hiện quy chế công khai tài chính, quy chế tự kiểm tra, quy chế dân chủ... Bên cạnh việc thực hiện chế độ tự chủ về biên chế và tài chính, cần không ngừng nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về vấn đề này, tránh hiểu đơn thuần việc tự chủ chỉ là để tăng thu nhập.

Thứ hai, nâng cao chất lượng công tác lập dự toán nhằm hạn chế tình trạng các đơn vị lập dự toán ngân sách không tích cực, che giấu nguồn thu, nâng dự toán chi, các cơ quan thuộc hệ thống tài chính cần có chương trình kế hoạch cụ thể khảo sát nắm chắc tình hình hoạt động của các cơ sở kinh tế, các đối tượng kinh doanh và các đối tượng sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để xây dựng dự toán sát thực tế.

Yêu cầu các cơ sở lập dự toán, các cơ quan tổng hợp cần tính toán kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến việc lập dự toán ngân sách

Nhà nước, nhất là tình hình biến động về kinh tế, giá cả và chính sách chế độ của Nhà nước để đưa ra được hệ số điều chỉnh phù hợp, khắc phục tình trạng thiếu chuẩn xác và tin cậy của số liệu, ảnh hưởng tiêu cực đến việc phân tích kinh tế, tài chính, xét duyệt giao kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch những năm sau.

Thứ ba, tăng cường công tác chấp hành chi ngân sách Nhà nước hiệu quả, tiết kiệm. Cần có sự kết hợp giữa cơ quan tài chính các cấp để hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ và thông tin kịp thời những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc trong quá trình chấp hành dự toán, từ đó, kịp thời có giải pháp tháo gỡ, giải quyết. Đồng thời, cần có sự kết hợp giữa các cơ quan chức năng quản lý ngân sách Nhà nước đối với đơn vị thụ hưởng ngân sách nhằm thống nhất trong quản lý, hạn chế tối đa sự chồng chéo.

Thứ tư, hoàn thiện công tác quyết toán chi ngân sách Nhà nước: Tăng cường kỷ luật tài chính trong công tác lập báo cáo định kỳ và quyết toán ngân sách Nhà nước. Việc quyết toán phải phân định rõ các nguồn kinh phí đã sử dụng, hạn chế việc chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau. Kiên quyết xuất toán các khoản chi không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đơn giá, định mức hiện hành. Thực hiện quyết toán theo số thực chi được chấp nhận.

Tăng cường trách nhiệm của cơ quan ngành Tài chính và đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước về quản lý chi ngân sách Nhà nước; đồng thời, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cải cách các thủ tục hành chính và ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong quản lý chi ngân sách thường xuyên; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, quy định, nghiệp vụ chuyên môn về chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị và cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước./.

Danh mục tài liệu tham khảo:

- Kiểm toán Nhà nước: Báo cáo kiểm toán năm của Kiểm toán Nhà nước các năm 2017, 2018, 2019;
- Thanh tra Chính phủ: Các báo cáo tổng kết ngành Thanh tra các năm 2018, 2019, 2020;
- Thanh tra Bộ Tài chính: Các báo cáo tổng kết ngành Thanh tra các năm 2018, 2019, 2020.



Hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay

 Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệm



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

C hiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII thông qua, tiếp tục khẳng định “thực hiện kiên trì, kiên quyết, có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” và “bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân...”. Trong thời gian qua, công khai, minh bạch về thông

tin trong các tập đoàn kinh tế đã được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và là một trong những giải pháp nhằm phòng, chống tham nhũng trong khu vực ngoài Nhà nước (khu vực tư), đặc biệt là Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018 là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế nói riêng và khu vực tư nói chung. Tuy nhiên, quy định của pháp luật hiện hành về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế tại Việt Nam hiện nay đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập.

Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả phân tích thực trạng pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

1. Lý thuyết công khai, minh bạch về thông tin trong các tập đoàn kinh tế

Theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn vào ngày 03/7/2009, thì nội dung “công khai, minh bạch” được đặt



ra như là tiền đề của quyền con người, bảo vệ quyền con người và PCTN hiệu quả. Cụ thể:

Đối với quyền con người và bảo vệ quyền con người: Con người được quyền hưởng sự công khai, minh bạch, nhất là về thông tin và các vấn đề khác để tồn tại và phát triển. Cũng vì vậy mà Liên hợp quốc coi quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền quan trọng nhất.

Để PCTN hiệu quả, theo UNCAC cần: Công khai báo cáo tài chính và tiêu chuẩn kế toán, kiểm toán; công khai các hồ sơ ngân hàng, tài chính, thương mại hoặc tịch thu; công khai các bản sao của hồ sơ tài liệu hay thông tin của Chính phủ... và minh bạch trong khu vực công; minh bạch trong sổ sách kế toán, chứng từ, báo cáo tài chính hoặc các tài liệu khác liên quan đến thu, chi công và phòng ngừa việc giả mạo những tài liệu này; minh bạch giữa các tổ chức tư nhân.

Tại Việt Nam, theo Đại từ điển Tiếng Việt do Nguyễn Như Ý chủ biên, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 2007 thì công khai là “không giấu giếm, bí mật mà cho mọi người cùng biết”; minh bạch là “sáng rõ, rành mạch”. Thuật ngữ “công khai” thường đi cùng và gắn liền thuật ngữ “minh bạch”. Với ý nghĩa và bản chất như vậy nên “công khai, minh bạch” luôn được sử dụng như một biện pháp hữu hiệu để phòng, chống các hành vi tiêu cực trong các hoạt động có tổ chức như: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tập đoàn...

Theo Luật PCTN thì “tập đoàn kinh tế”⁽¹⁾ được xếp vào doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (hay còn gọi là khu vực tư) và phải thực hiện công khai, minh bạch về thông tin, bởi lẽ đây là một trong những biện pháp PCTN trong khu vực tư.

Cơ sở pháp lý về công khai, minh bạch về thông tin trong các tập đoàn kinh tế ở Việt Nam thực tế bắt đầu hình thành từ khi có Luật Doanh nghiệp năm 2005, và được sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh tại Luật Doanh nghiệp năm 2014. Cụ thể: Theo quy định vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp

luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây: Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con; báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con⁽²⁾.

Qua nghiên cứu cho thấy, đến nay ở Việt Nam chưa có khái niệm chuẩn đã được công bố khoa học về công khai, minh bạch về thông tin trong các tập đoàn kinh tế. Do vậy, theo tác giả, công khai, minh bạch về thông tin trong các tập đoàn kinh tế có thể hiểu “là việc các tập đoàn kinh tế công bố đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến hoạt động tài chính, kinh doanh và các vấn đề quan trọng về sở hữu và quản trị doanh nghiệp theo các quy định pháp luật Việt Nam và quy định quản trị nội bộ của các tập đoàn kinh tế”.

Có thể khẳng định rằng: Công khai, minh bạch thông tin là yêu cầu cơ bản bảo đảm sự phát triển của doanh nghiệp, nhất là tập đoàn kinh tế. Nhiều quốc gia trên thế giới chỉ ra rằng, nơi nào công khai, minh bạch thông tin thì ở nơi đó tập đoàn kinh tế phát triển bền vững. Liên hợp quốc luôn coi công khai, minh bạch và phần đầu cho một nền quản trị minh bạch là một trong những mục tiêu hàng đầu của mình. Điều này khẳng định Liên hợp quốc cũng như cộng đồng quốc tế đã ghi nhận ý nghĩa của công khai, minh bạch.

2. Thực tiễn thi hành pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế trong thời gian qua tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, do yêu cầu thực thi tính công khai, minh bạch trong quản trị doanh nghiệp nói chung và trong các tập đoàn kinh tế nói riêng được đề cập đến khá thường xuyên trên các diễn đàn, phương tiện truyền thông, các nghiên cứu liên quan đến quản trị công ty ở Việt Nam, dưới góc độ kinh tế cũng như luật pháp. Qua khảo sát nhanh trên trang thông tin điện tử đầu tư chứng khoán tại địa chỉ <https://tinnhanhchungkhoan.vn/> có thể nêu lên một số kết quả thực thi pháp luật về công khai,

minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế thời gian qua như sau:

Thứ nhất, việc công khai, minh bạch về các thông tin liên quan đến hoạt động của tập đoàn kinh tế qua trang thông tin điện tử, qua cổng thông tin điện tử và qua các hình thức khác như họp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí được thực hiện khá tốt.

Thứ hai, hoạt động công khai, minh bạch trong tập đoàn kinh tế đã được từng bước thực hiện theo quy định của pháp luật. Bức tranh sử dụng vốn ở những lĩnh vực kinh doanh độc quyền ngày càng được rõ ràng, sáng tỏ.

Thứ ba, vấn đề xử lý vi phạm việc công khai, minh bạch của các tổ chức, cá nhân và các biện pháp PCTN đã được chú trọng thực hiện. Công tác PCTN đã được thực hiện hiệu quả, đặc biệt là Luật PCTN năm 2018 là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế nói riêng và khu vực tư nói chung.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, công tác công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định, cụ thể:

Một là, cơ chế công khai, minh bạch thông tin chưa được thực hiện tốt, đặc biệt là việc hoàn thiện các quy định pháp luật về công khai, minh bạch trong tập đoàn kinh tế nói riêng và khu vực tư nói chung chưa đáp ứng yêu cầu, vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa thực hiện nghĩa vụ công khai, minh bạch theo quy định nhưng các cơ quan chức năng chưa có biện pháp chế tài phù hợp.

Hai là, công tác khai báo, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế vẫn còn hạn chế, bất cập. Nội dung của báo cáo thường tập trung vào những thành quả kinh doanh mà tập đoàn đạt được, hiện tượng “làm đẹp” báo cáo vẫn còn xảy ra. Chỉ đến khi bị các cơ quan chức năng hoặc báo chí phát hiện thì các doanh nghiệp nói chung và các tập đoàn kinh tế nói riêng mới thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin đầy đủ, trung



thực và chính xác liên quan đến hoạt động tài chính, kinh doanh và các vấn đề quan trọng về sở hữu và quản trị doanh nghiệp.

Ba là, trách nhiệm công bố thông tin chưa thực sự được chú trọng, việc phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận thông qua quy chế nội bộ về công khai, minh bạch trong các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế tư nhân, tập đoàn kinh tế Nhà nước chưa được chú trọng, việc xác định trách nhiệm công bố thông tin còn khó khăn. Đặc biệt là chế tài xử lý vi phạm đối với những cá nhân, tổ chức vi phạm về công khai, minh bạch trong tập đoàn kinh tế còn nhẹ, chưa có tính răn đe; không có chế tài xử lý vi phạm đối với những cá nhân, tổ chức không thực hiện công khai, minh bạch trong tập đoàn kinh tế.

Bốn là, hiện còn khá phổ biến tình trạng lách luật, khai báo thông tin thiếu trung thực trong các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế. Tuy nhiên, những sai phạm trong công khai, minh bạch thường bị phát hiện muộn, tình trạng vi phạm hành chính trong việc đảm bảo tính công khai, minh bạch vẫn tăng cao, việc kê khai thông tin thiếu sự chủ động, nhiều nhất có thể kể đến đó là trong những lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư...

3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay

Việc hoàn thiện pháp luật về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế ở Việt Nam hiện nay cũng có thể xem là một giải pháp PCTN theo Luật PCTN, góp phần hạn chế tham nhũng và lãng phí trong thời gian tới.

Thứ nhất, phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành, trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung quy định đối với phương tiện, hình thức công bố thông tin theo hướng mở rộng các hình thức công bố thông tin như trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên báo, đài, mạng xã hội... để người dân thực hiện giám sát và kịp thời phát hiện thông tin không chính xác, không trung thực; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về chế tài đủ mạnh để xử lý vi phạm công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế. Hoàn thiện quy định về cơ quan quản lý giám sát công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế nói riêng và doanh nghiệp nói chung.

Thứ hai, sớm nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 để bảo đảm thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, nhất là công khai, minh bạch về thông tin trong doanh nghiệp nói chung và tập đoàn kinh tế nói riêng, theo hướng quy định: Trách nhiệm của doanh nghiệp về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký thành lập doanh nghiệp, đảm bảo tính chính xác của các thông tin; gửi và công bố báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm; báo cáo và công khai các báo cáo về tài chính, báo cáo về hoạt động...

Thứ ba, để các tập đoàn kinh tế hoạt động và phát triển mạnh cần sớm xây dựng luật riêng về tập đoàn kinh tế, trong đó quy định về công khai, minh bạch thông tin trong tập đoàn kinh tế nhằm hoàn thiện hệ thống các quy định pháp luật đảm bảo tính chặt chẽ, đồng bộ để điều chỉnh các quan hệ phức tạp trong tổ chức và hoạt động của mô hình tổ chức kinh tế này. Đặc biệt, luật sẽ tập trung điều chỉnh về tổ chức hoạt động của tập đoàn kinh tế, về sở hữu, vốn tài sản, về nguyên tắc lãnh đạo và quản lý tập đoàn kinh tế. Đồng thời, quy định những vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt động của tập đoàn kinh tế như tuân thủ quy định của pháp luật; bảo toàn vốn, tài sản và các lợi

THÁNG NĂM THƯƠNG NHỚ

Tháng Năm phượng đỏ lập lòe
Hàng cây rủ bóng xanh che phố phường
Ai người nhớ, ai người thương
Ai người ngóng đợi nẻo đường lá bay
Tháng Năm tay nắm bàn tay
Con đò rời bến tháng ngày cách xa
Cánh cò bay lả, bay la
Tháng Năm cỏ mật la đà triền đê
Tháng Năm ai đợi, ai về
Tháng Năm xanh mái tóc thề vẫn vương

Lê Hoài Minh



ích khác của tập đoàn kinh tế; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tập đoàn, các thành viên và người lao động trong tập đoàn.

Thứ tư, xét về mặt pháp lý, việc hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế trong thời gian qua tại Việt Nam đang đặt ra các yêu cầu hoàn thiện, tính tương thích với hệ thống pháp luật, cải cách hành chính về cạnh tranh, đầu tư, thương mại, chuyển giao công nghệ, thuế, tài chính, ngân hàng, sáp nhập và mua lại theo hướng thống nhất, khuyến khích mô hình kinh tế này phát triển. Do vậy, Chính phủ cần sớm ban hành quy định pháp luật quy định về việc thành lập tập đoàn kinh tế tư nhân, như là một sự thừa nhận chính thức về pháp lý cho loại hình doanh nghiệp này.

Chú thích:

(1) Theo khoản 10 Điều 3 Luật PCTN và áp dụng phương pháp loại trừ.

(2) Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2014.



Tản văn:

Thương nhớ mùa thi

T háng Năm chợt về lặng lẽ, nắng hạ lênh láng tràn khắp sân, rót đầy trên những tán lá xanh ngời và tràn lên sân lúa của mẹ đang phơi. Trời vào hạ nên thời tiết trở nên oi bức, ngọt ngào trông thấy. Chiếc quạt trước mặt chạy hết công suất cũng không làm tôi dễ chịu được là bao. Mùa hạ miền Trung quê tôi bao đời vẫn thế. Ngồi trong nhà nhìn ra mảnh vườn nắng ngập tràn, lòng tôi lại dội về một cảm xúc khó tả. Tại căn phòng cũ cách đây hơn hai mươi năm, chỗ tôi ngồi, góc học tập thân quen, trước mắt là những chồng sách to dày và mùa thi năm cuối cấp đợi chờ.

Những đứa con quê nghèo chúng tôi từ nhỏ đã được bố mẹ dạy dỗ và luôn hẳn sâu trong tiềm thức một điều, chỉ có học hành mới thoát khỏi cảnh ruộng đồng, thoát được cơ cực nghèo khó. Những đứa trẻ làng quê lao vào học chăm chỉ, học ngày, học đêm để mong thoát khỏi lúy tre làng. Mười hai năm ngồi trên ghế nhà trường nhanh như một cái chớp mắt. Mùa thi năm cuối cấp rồi cũng đến như một quy luật tự nhiên của đời người. Đó là mùa thi quan trọng nhất của đời học sinh, không thể không âu lo. Từ đầu năm học lớp 12, nỗi lo âu ấy đã hiện rõ trên từng khuôn mặt học trò bé nhỏ. Trước mắt là lo học hành thật chăm chỉ, sau đó lại lo chọn ngành, chọn trường.

Mùa thi thực sự bắt đầu khi cái nắng hạ ngày một chói chang giục những bông hoa phượng đỏ rực và chùm bằng lăng tím ngắt. Tôi được bố mẹ ưu tiên không phải làm việc gì nặng nhọc để tập trung tối đa cho thời gian ôn thi. Những công việc đồng áng như gặt, cấy, làm cỏ, làm nương tôi được miễn hoàn toàn. Nhiều lần ngồi học bài nhưng tâm trí tôi lại cứ nghĩ tới bố mẹ. Bố mẹ tôi cả đời lam lũ với ruộng đồng, không quản mưa nắng, chất chiu từng hạt lúa, củ sắn, củ khoai, từng bữa ăn không



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

màng tới bản thân để nuôi những đứa con khôn lớn trưởng thành. Có những lúc tôi nghĩ, giả sử tôi không vượt qua được kỳ thi thì có lẽ bố mẹ sẽ buồn thất vọng nhiều lắm. Sự kỳ vọng của bố mẹ, của thầy cô và của bản thân đã vô tình áp nặng lên tôi một sức ép vô hình. Tuổi mười bảy có những lúc tôi chông chênh, vô định...

Tôi nhớ rất nhiều lần đang ôn bài giữa mùa hạ nóng bức mẹ lại nhẹ nhàng gõ cửa mang cho tôi lúc thì củ khoai luộc, lúc lại củ sắn, lâu lâu có thêm cốc chè đỗ đen mẹ nấu. Mẹ sợ tôi ôn thi không có sức khỏe nên cố gắng “bồi bổ” bằng những thứ cây lá vườn nhà như vậy. Mẹ luôn động viên tôi đừng tạo áp lực nặng nề cho bản thân mà hãy thật thoải mái, yên tâm học tập. Dẫu sau này tôi trở thành ai đi chăng nữa thì mẹ vẫn tự hào về tôi, vì tôi đã cố gắng hết sức có thể. Khi mẹ trở chân bước ra khỏi phòng là lúc mắt tôi rưng rưng nhòa lệ. Nhớ về hình bóng của mẹ không hiểu sao tôi trở nên mạnh mẽ và lòng đầy quyết tâm vô cùng.

Thấm thoát cũng tới ngày tôi rời quê lên thành phố dự thi. Vì bố tôi bị bệnh nên mẹ đưa tôi đi thi. Trước khi đi mẹ đã bán đôi lợn chưa kịp lớn lấy tiền làm lộ phí của

hai mẹ con. Vốn vẹn ba ngày ở thành phố nhưng tôi thấy dài vô cùng và lo lắng cho ngày thi chính thức. Ở bên cạnh, mẹ đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Mẹ luôn dậy trước, thức canh giờ cho tôi khỏi ngủ quên, sắp xếp từng cái thẻ dự thi, bút, giấy hay cục tẩy... Kết thúc kỳ thi mẹ hiểu tâm lý của tôi nên không hỏi nhiều về bài thi, chỉ mỉm cười rất nhẹ, chúc mừng tôi hoàn thành một chặng đường dài. Rồi chờ đợi kết quả. Năm đó, tôi may mắn đỗ được vào trường đại học mà mình mong ước. Không phải nói bố mẹ tôi vui sướng biết nhường nào. Mặc dù phía trước vẫn là chặng đường rất dài với bao khó khăn chông chênh.

Những ngã rẽ của cuộc đời và mùa thi đã đánh dấu một mốc quan trọng giúp tôi trưởng thành, vượt qua giới hạn bản thân. Mùa thi như cuộc vượt vũ môn đã đẩy bạn bè cũng như tôi đi về phía mơ ước của riêng mình. Mùa thi năm xưa đã mở ra cho tôi bao la chân trời mới, làm hành trang vững chãi giúp tôi tự tin cho những chặng đường tiếp theo. Mùa thi ơi, xin gửi vào ký ức xưa những năm tháng mến thương, những năm tháng tuổi trẻ tươi xanh.

Nguyễn Văn Chiến



Giữ núi

Truyện ngắn của **Ngô Nữ Thùy Linh**



Minh họa: Phùng Minh

Mưa, rào rào mưa, rào rào mưa. Côn mưa kéo nhanh đến kì lạ. Không sấm, không mây đen. Tự nhiên lộp độp rơi. Những hạt mưa cứ thế ào ào đổ xuống. Thuận đang chăn bò, lũ bò cắm cúi ăn cỏ bỏ dở chạy tán loạn. Cu cậu cũng vội vàng chui vào một gốc cây to trú ẩn. Trong thân cây to một mảng lớn bị khoét sâu, tạo ra một cái hố, đủ để thân hình bé nhỏ của Thuận chui vào. Nghe lách tách từng hạt. Rồi nặng hơn. Một không khí lạnh ập đến. Một hạt, hai hạt, ba hạt tròn xoe,

trắng tinh. Ôi, mưa đá, mưa đá, thích quá. Thuận nhảy ùm từ trong bụi cây ra, nhặt nhanh mấy viên đá cho vào miệng. Từng viên tan biến trong cổ họng, mát rượi. Mưa đầu mùa hạ, sao năm nay tự nhiên có mưa đá. Thuận vẫn thường nghe cha nói mỗi năm có mưa đá thì ý rằng năm đó làng mất mùa. Nhưng đối với Thuận, năm nào chả thế, cứ dong bò lên Động Nén, chiều chiều thể nào cũng gặp cơn mưa đá. Lúc về nhà, Thuận thường kể cho cha nghe về trận mưa ban chiều, nhưng cha hay gạt phăng đi, bảo: “Ở nhà tao có thấy mưa đá gì đâu, mà cứ bịa chuyện”. Mà rõ ràng lần nào đầu mùa hạ Thuận cũng gặp ít nhất hai, ba

lần mưa đá. Những hạt đá tròn xoe như viên bi, rớt qua kẽ lá, rơi xuống đầu Thuận. Kì lạ là trong núi mưa nhưng ở nhà không hề có mưa, nên cha Thuận không tin cũng đúng. Ông nội thì gạt gù bảo đúng là có mưa đá ở trong núi thật. Hồi xưa khi còn trẻ đi đào mặng, hái táo mèo, nội cũng gặp thường xuyên. Cứ nghe người ta bảo trong núi mát mẻ, nếu có mưa thì ở núi sẽ mưa trước. Nếu ở núi mưa đá thì ở ngoài đồng cũng thường có mưa lớn. Nhưng hai năm gần đây, Thuận không nghe cha nói có mưa ở nhà. Mỗi lần dong bò về, sân vẫn khô ráo, thóc phơi cha chưa gom vào. Thuận thích nhất cảm giác được ngồi dưới hốc cây, nhặt



từng viên đá bỏ vào chiếc lon sữa, ăn từ từ. Mấy lần kể cho nội, nội dọa: “Tổ cha mi, ăn tầm bậy tầm bạ không. Mấy cái viên đá đó, gặp phụ nữ tới tuổi sinh nở, ăn phải là tịt luôn đó nha mi, đừng có dại mà ăn cho lắm vào”. Thuận nghe nội nói nhưng chẳng có cơ sở khoa học nào chứng minh việc đó.

Hôm rồi Thuận cùng chị Hải vào rừng chăn bò. Thả bò mặc kệ ăn cỏ, nó kéo chị Hải vào rừng tìm sim. Động Nen có bao nhiêu là cây cối, rậm rạp. Nào là vọt, chia vôi, vả, ngậy... xen nhau lẫn lộn. Nhưng đặc biệt có một mảnh riêng toàn cây sim. Bởi thế băng qua một con suối, chui qua hai dãy cây là tới đồi sim. Sim thán sáu, lúc nào cũng ngọt lịm, căng tròn. Những quả sim mây mây, tím tím. Thuận hay gọi là sim trâu với sim bò. Sim trâu là những quả to, đen thẫm, ngọt lịm. Mỗi lần đi hái Thuận kéo chị Hải tới những gốc cây xanh rì, ẩn nấp dưới lá bao nhiêu là quả. Hai chị em chỉ việc ngắt và bỏ vào mồm, ăn tới no. Đồi sim chẳng phải của riêng ai, thế nên khi Thuận còn nhỏ nó đã biết băng qua núi, đi tìm tới đồi, rồi tranh thủ bò ăn cỏ thì ăn no nê một bụng sim, xong lấy bao bóng hái thêm mang về cho cả nhà ăn. Có hôm mãi mê, bò tìm đường về nhà trước lúc nào không hay. Người chưa về tới nhà bò đã vào chuồng. Thuận vắt bịch sim tìm bò vàng cả mắt. Xăm xắm tới về tới nhà thì cha đã cầm sẵn cây roi, bỏ trên mâm cơm. Chờ Thuận bước chân vào, ông trợn trừng mắt lên hỏi “bò đâu”? Thuận chưa vội đáp, ngó nghiêng ra ngoài chuồng. Điện tắt tối thui. Thuận ọ lên hai tiếng, con bò ọ lại một tiếng. Cha phì cười, bảo nó vào rửa chân tay ăn cơm. Bữa cơm chỉ có canh rau ngọt, cua đồng, trứng vịt nuôi ở nhà, mấy quả cà muối. Vậy mà ngon lành đến lạ.

Cha bàn với mẹ mua một vạt cây ở trong núi. Chặt cây làm củi. Bây giờ người ta bán theo kiểu đó. Ban đầu thì chặt hết bãi vọt, xong rồi tới chặt mấy cây nhỏ, bó gọn xếp xe bò chở về phơi, có củi đun quanh năm.

Ông Hoạt đã đầu thầu miếng đất trên Động Nen. Ông ấy chia ra nhiều lô nhỏ. Nghe đâu cũng bán cho mấy người chặt về làm củi hết rồi. Từ xưa đất Động Nen vốn chẳng có ai quản lý. Rồi cha con ông Hoạt xin xã cho vào đó làm nhà ở tạm. Ông trồng thêm cây lớn và ở luôn trong đó để trông coi. Hồi đó chẳng ai bén mảng tới khu Động Nen, nhất là buổi tối, đường lên đó tối thui như mực, một ánh đèn leo lét vọt ngang cũng khiến người ta hoảng sợ. Mấy ngôi mộ lúc ẩn lúc hiện. Vậy mà tối nào ông Hoạt cũng xách cái đèn đội đầu, có cái bình ắc quy gắn ngay ở hông, lấy cái kẹp, kẹp một phát là sáng choang. Rồi cứ thế lăm lăm vào chỗ chòi dựng tạm trong núi ngủ. Ông cũng phòng hờ tối trời có lũ trộm nó vào bắt bò. Từ hôm ông nhận trông coi Động Nen, một đàn bò được mang về. Ngày chui rúc trong rừng rậm ăn cỏ, tối về ngủ ở mấy cái chuồng dựng tạm. Ấy thế mà bò lớn nhanh như thổi. Để từ ngày làm bảo vệ rừng, ông Hoạt cũng đã cho xuất được mấy lứa. Bò cứ lớn phổng phao. Có kẻ cũng ganh ghét nên tìm cách rình mò chặt chân bò. Có hôm đang tối trời, nghe tiếng bò kêu thống thiết, chạy ra thì đã thấy máu chảy bê bê khắp chuồng. Con bò nằm quằn quại. Khúc chân lìa ra. Hôm sau thì nó chết. Ông Hoạt tức trào máu. Thế nên từ hôm đó tối nào ông cũng vào rừng, canh lũ bò. Bán được mấy khu đất bãi vọt, ông Hoạt lấy tiền mua thêm bò.

Bãi đất người ta chặt hết cây, rồi đốt trụi, nhìn nó trống hươ trống hoác. Mấy lần chăn bò đi qua, Thuận cứ nghe từng tức ở ngực. Những bãi vọt cháy đen, trơ lại mấy gốc cây. Hôm đó có nhà mua quá chừng, lấy củi về đốt lò gạch nên cố tình mua một bãi có cây lớn, củi to. Chặt xong thì chẳng thèm cắt vọt, cứ thế mà đốt. Khói um lên tận đỉnh núi Gám. Ông nội ở nhà nhìn lên, mắt toen hoen nên cứ bảo là mù Động Nhôn, cái ngọn núi cao nhất trong làng. Cứ mỗi lần thấy nó mù mù là y rằng trời sẽ mưa, mà nó mù càng lâu thì mưa sẽ không dứt hẳn. Cứ lăm râm qua ngày. Thế mà hôm đó không hề mưa. Ông nội cứ thối mác mãi

cho tới khi Thuận dong bò về tới nhà. Nó bảo “người ta đốt rừng nên có khói chứ không phải mù đâu ông”. Ông nghe thẳng cháu nội nói, hai mắt nội đỏ hoe, rồi kêu lên “người ta đang tàn phá sự sống của dân làng rồi con ơi”. Hôm sau nữa nội vẫn nhìn về hướng ngọn núi, khói đã tan sau một đêm. Nhưng Thuận thấy nội buồn hiu.

Thuận nói với cha thôi đừng mua củi của ông Hoạt nữa. Tranh thủ lúc đi chăn bò Thuận sẽ kiếm củi khô, mỗi ngày cũng có một bó để đun. Trong rừng không thiếu củi khô, chỉ là chịu khó một chút thì cũng có củi đun quanh năm. Cha nghe Thuận nói chẳng hiểu lí do, nhưng ông âm ừ, không dứt khoát. Bữa ông Hoạt nói sẽ trồng thêm ít cây trám vào khu vực đất trống, phủ xanh lại ngọn đồi, lớn rồi chặt bán. Nhưng mãi chẳng thấy ông ấy làm. Mỗi ngày đi qua, Thuận nghe mùi lá dành dành bị cháy bốc mùi lên. Mấy cây dành dành Thuận hay cắt về làm chổi quét, hay cho mấy bà trong làng xông đẽ. Cái mùi ngai ngái, nồng nồng, thế mà Thuận thấy nó dễ chịu đến lạ. Mấy cây dành dành nhỏ xíu, phất phơ trong gió. Chặt hết lớp này nó lại mọc lớp khác. Giống như nó có bộ rễ đâm sâu vào thân núi, cứ thế phát triển mạnh mẽ. Ông Hoạt chỉ cho Thuận một cái hang trong núi. Ở đó cơ man nào là dơi. Ông bảo tranh thủ bắt nó về rồi làm thịt. Trời mùa hè nóng như rang, nhưng chỉ chui vào hang là thấy mát rười rượi. Theo ông Hoạt được mấy bữa, nhà có món ăn mới cải thiện. Nhưng rồi đột nhiên ông bảo Thuận ở nhà, khỏi lui tới cái hang đó nữa. Thuận cũng chẳng quan tâm, chỉ nghĩ chỗ ông Hoạt đã đầu thầu thì là đất của ông, bảo không tới nữa thì không tới nữa.

Một sáng, Thuận thấy dân làng chạy rầm rầm lên núi. Ai cũng hoảng hốt, xen lẫn tò mò. Lúc đó chắc tầm năm giờ sáng. Rồi tiếng còi xe cảnh sát hú inh ỏi. Một đoàn xe đi ngược lên ngọn núi Gám. Cha nói người ta tiến hành xử bắn hai tội phạm buôn bán ma túy. Nghe đâu người ở nơi khác, chọn ngọn núi này để xử. Ông nội lại nhìn lên núi,



u uất. Ông bảo, hồi xưa trên cái đỉnh núi ấy là hầm bí mật của bộ đội ta. Bây giờ nó vẫn còn vết tích của những căn hầm. Bộ đội hoạt động bí mật, đánh thắng bao nhiêu trận. Có hi sinh cũng nhiều, một số mộ chí bây giờ ở trên đó, chưa có người thân nhận. Đi chặn bò nhiều nhưng chưa bao giờ Thuận leo tới trên đỉnh đó. Phía bên làng cạnh, có một con đường lớn chạy thẳng lên. Bởi vậy mà người ta có thể đi xe ô tô ngược lên được.

Ngày hai tên tội phạm bị xử bắn, Thuận nghe tiếng súng nổ vang. Từ trong núi dội ra tiếng rền, nghe âm u, rờn rợn. Đứng ở mé bên này núi, thấy người dân xì xầm. Bảo bắn mười một phát hay sao ấy. Thuận cũng không có tâm trạng để đếm. Nó thấy đàn bò hoảng hốt chạy xuống. Ông Hoạt từ đầu chạy ra, nghe ngóng tình hình, thở dài náo nức, cái lũ mất dạy, cha mẹ nuôi lớn rồi đi buôn ma túy.

Ông nội bảo đến ngày Động Nhôn có động thật rồi. Trên đỉnh núi trơ trọi một màu đỏ quạch. Một trận mưa xuống, nước đổ ào ào như lũ cuốn. Đứng ở dưới nhà nhìn lên, con nước chảy thành đường, trắng xóa. Đất đỏ cuốn cuộn trôi về phía đồng bằng. Năm đó, làng được mùa, lúa tốt bởi bởi được dòng phù sa trên núi chảy xuống. Mấy mảnh ruộng gần mé bờ sông bông trĩu hạt. Nhưng tới năm sau thì mưa đá xối ầm ầm, tan hoang. Ngọn núi lở một mảng như vết thương của con thú rừng. Một năm rờn cây không xanh lên được. Đồi sim mà Thuận thường ghé hái bây giờ hiu hắt. Mấy bận nó đi hái, chỉ hái được những quả sim bò, đo đỏ, chan chất. Chị Hải thôi không đi chặn bò với Thuận nữa. Nghe đầu chị bán hết bò, đi lên thành phố làm công nhân. Những ngày ở quê dài lê thê. Quấn quanh với lũ bò, Thuận thấy buồn nôn nao.

Bữa đó không hiểu có ai thôi thúc mà Thuận để mấy con bò trên bãi, mò mẫm vào hang dơi tìm ông Hoạt. Rón rén như ăn trộm, Thuận ngó nghiêng vào bên trong. Tối thui như mực. Nhưng nó vẫn nghe tiếng rì rầm bàn tán. Nó đứng nép vào gốc cây lớn,

nín thở chờ đợi. Có tiếng rì rì, nghe quen quen. Nó nhận ra tiếng cha. Rồi tiếng chú Quần cạnh nhà. Hình như có cả tiếng ông nội. Thuận ngạc nhiên tốt độ. Quái lạ, có chuyện gì xảy ra thế nhỉ? Nó nghe ông nội nói chuyện bắt bố gì đó. Rồi tiếng ông Hoạt bàn phương án phòng thủ gì đó.

Chiều đó Thuận đứng ngồi không yên. Bản tính tò mò, nó lại dong bò đi ngược về phía cái hang. Mưa, lại một trận mưa đá. Những viên đá tròn xoe, lăn lông lốc trên con dốc. Thuận không nhặt đá ăn nữa. Nó chạy ào ào băng qua con suối, rồi lại len lén tìm đến hang. Nhưng hình như cuộc họp đã tan, cái hang im lìm như chưa từng có bước chân ai đến. Phía ngoài cửa hang rong rêu mọc đầy, lờm chờm gai góc. Thuận nghe người ta xì xầm trên núi có ma. Có lẽ từ hôm bắn hai thằng tội phạm buôn ma túy, công an để xác lại cho người nhà nhận, người ta đợi lúc vắng hết dân rồi mới chui lên để đưa về mai táng. Người thì nói người nhà đem về rồi, người thì nói chôn luôn ở trên đó. Mà tự nhiên hai người, có hẳn ba cái mộ, cỏ mọc xanh um tùm, giống như là đã chết từ lâu. Bởi người này đồn, người kia rĩ tai, thành ra trong làng không ai dám bén mảng lên núi nữa. Ông Hoạt là ngoại lệ. Dù đêm tối hay sáng sớm, người ta đều thấy ông lui cui trong mấy chuồng bò trên đó. Dọn phân, trồng thêm mấy cây trà. Mầm xanh bắt đầu nhú lên từ khoảng trống.

Bữa đó cha về, mặt mày xanh lét. Chân đi cà nhấc. Ông nội nói cha bị té. Nhưng Thuận có vẻ không tin. Nó thấy chân cha tứa máu, chỗ băng gạc đỏ một màu. Xót. Mẹ đưa chiếc xe cà tàng ra, đòi chở cha đi bệnh viện, nhưng cha không đi, cũng không nói tại sao bị té. Những ngày cha bị đau, không khí trong nhà hơi trầm lắng. Cha như con ngựa bị buộc chân vào chuồng, thềm thủng đi. Cứ đứng dậy đi ông lại nhăn nhó mặt mày. Vết thương rì rĩ máu. Ông nội không nói. Khác hẳn những bữa thường ngày. Ông chỉ bảo cha, ráng cho khỏi cái chân, rồi mới tính được chuyện khác.

Chân cha chưa khỏi, thì người ta hay tin ông Hoạt chết. Một cái chết kì lạ. Bữa đó người ta tìm thấy xác ông Hoạt bên con suối, không vết thương, nhưng bụng bị trương phình lên. Ông nằm bên bờ đá, mấy con cá rĩa hết thịt ở dưới chân. Người nhà uất ức, dân làng đồn ma theo rồi dụ ông vào đó. Chỉ có cha là câm lặng, ông nội cũng nín thinh. Ông lại nhìn lên ngọn núi, những đụn mây trắng, bầu trời xanh trong, mây trôi lững thững qua núi. Mắt nội như có khói.

Lại có những tiếng súng nổ giữa ban đêm. Thuận thức giấc bởi cái lay của cha. Cha nói Thuận dậy, đi cha lên núi, giờ này chắc có biển rồi. Nghe từ có biển, Thuận bật dậy như cái lò xo. Biết cha đang đau lắm, nhưng Thuận cũng cố dùng hết sức lực của mình đi cha hướng về phía núi. Ông nội nghe lạch cạch, trở dậy, lúi lúi đi phía sau cha con Thuận.

Đợt truy quét lâm tặc thành công, kiểm lâm phối hợp cùng công an bắt được mười hai tên. Chúng chống trả quyết liệt. Trong số đó còn có mấy tên sử dụng ma túy. Công an cũng bị thương hai người lúc chiến đấu với chúng. Vụ án chính thức khép lại.

Ông Hoạt được phong là liệt sỹ. Ngày Thuận sang nhà ông, di ảnh được để lên gọn gàng trên chiếc bàn thờ. Ông bận chiếc áo xanh kiểm lâm, màu xanh mà trước nay chặn bò Thuận chưa từng thấy ông mặc. Gương mặt hơi nghiêm trang. Khói nhang bay bay, lướt qua. Thuận đứng âm thầm, nhìn mãi. Bây giờ thì nó đã hiểu câu chuyện hôm đó giữa cha, ông nội và các chiến sỹ trong hang tối.

Động Nhôn mù sương. Có lẽ trời lại sắp mưa. Nội bảo ba ngôi mộ kia chỉ là giả thôi, bên trong nó là mấy cái hầm. Cả tháng trời ông là người chỉ đường, lên núi để anh em công an phục kích. Hôm cha bị thương chính là bọn lâm tặc liều lĩnh phản đòn.

Mấy cây dành dành mọc lên xanh tốt, tràm giấy giờ phủ kín đồi trọc. Thuận ngồi trên đồi thổi sáo, chăm chỉ nhìn đàn bò gặm cỏ. Sau cơn mưa, mọi thứ trở nên mát lành.../.



Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo

K. Dung

» Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 38/2021/NĐ-CP, ngày 29/3/2021 (sau đây gọi tắt là Nghị định 38) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo, trong đó có nội dung về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra.

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước có liên quan.

Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo ở Việt Nam và ở nước ngoài; (2)



Ảnh: Trần Chính

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam; (3) Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Hình thức xử phạt

Nghị định 38 quy định 03 hình thức xử phạt chính gồm: Cảnh cáo; phạt tiền và đình chỉ hoạt động có thời hạn. 03 hình thức xử phạt bổ sung gồm: Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đình chỉ hoạt động có thời hạn và tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

Biện pháp khắc phục hậu quả

Nghị định 38 quy định 22 biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng với mức độ vi phạm của các tổ chức, cá nhân. Trong đó có 05 biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2014 là: (1) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; (2) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; (3) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại; (4) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn; (5) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực



hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật. (*)

Bên cạnh đó là 17 biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định 38 như sau: (1) Buộc trả lại đất đã bị lấn chiếm tại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; (2) Buộc trả lại tài nguyên thông tin đã đánh tráo hoặc chiếm dụng; (3) Buộc tháo gỡ, tháo dỡ, xóa quảng cáo hoặc thu hồi sản phẩm báo, tạp chí in quảng cáo hoặc buộc tháo dỡ biển hiệu; (4) Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân; (5) Buộc hoàn lại số tiền có được do thực hiện hành vi vi phạm; (6) Buộc tháo gỡ phim, bản ghi âm, ghi hình, văn hóa phẩm có nội dung độc hại dưới hình thức điện tử, trên môi trường mạng và kỹ thuật số; (7) Buộc thu hồi giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim; văn bản chấp thuận tổ chức biểu diễn nghệ thuật; văn bản chấp thuận tổ chức thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; văn bản xác nhận dự thi người đẹp, người mẫu ở nước ngoài; giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ; giấy phép tổ chức triển lãm; giấy phép triển lãm mỹ thuật; giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng; văn bản chấp thuận tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật; giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh; giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật; chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giấy chứng nhận đăng ký thành lập và hoạt động, giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; (8) Buộc thu hồi danh hiệu, giải thưởng đã trao cho cá nhân đạt giải cuộc thi, liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn, cuộc thi người đẹp, người mẫu; (9) Buộc di dời tang vật vi phạm khỏi địa điểm tổ chức triển lãm mỹ thuật hoặc tổ chức trại sáng tác điêu khắc; (10) Buộc loại bỏ nội dung vi phạm ra khỏi phim đã

được phép phổ biến; bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu đã được phép lưu hành; triển lãm; triển lãm mỹ thuật, triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh, trại sáng tác điêu khắc; sản phẩm quảng cáo; (11) Buộc phải đáp ứng cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với phòng chiếu phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim; (12) Buộc tiêu hủy tang vật vi phạm; (13) Buộc bổ sung số lượng bản sách, cơ sở vật chất, tiện ích thư viện và người làm việc bảo đảm theo quy định; (14) Buộc bổ sung tên, địa chỉ người thực hiện quảng cáo; (15) Buộc dán tem, nhãn kiểm soát, lưu hành trên máy trò chơi điện tử không kết nối mạng Internet; (16) Buộc tiêu hủy phim, băng, đĩa hoặc vật liệu chứa nội dung phim; bản ghi âm, ghi hình có nội dung nghệ thuật biểu diễn; (17) Buộc công bố công khai thu hồi danh hiệu, giải thưởng cuộc thi liên hoan các loại hình nghệ thuật biểu diễn; cuộc thi người đẹp, người mẫu.

Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

Theo Nghị định 38, mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa là 50.000.000 đồng đối với cá nhân và 100.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo là 100.000.000 đồng đối với cá nhân và 200.000.000 đồng đối với tổ chức.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Thẩm quyền xử phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân được quy định tại Chương IV Nghị định 38.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra

Nghị định 38 quy định cụ thể thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp, công an nhân dân, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, hải quan, quản lý thị trường và thanh tra. Trong đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra được quy định như sau:

Thứ nhất, thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2014 (buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại).

Thứ hai, chánh thanh tra cấp sở, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải, Chánh Thanh tra Cục Hàng không, chi cục trưởng chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thuộc sở y tế, chi cục trưởng chi cục bảo vệ thực vật, thú y, chăn nuôi, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi, đê điều, lâm nghiệp thuộc sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, giám đốc trung tâm tân số khu vực cũng có các quyền như trên nhưng được phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nói trên; có quyền tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; đồng thời được áp dụng 22 biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Thứ ba, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ cũng có các quyền như trên nhưng được phạt tiền đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt tương ứng.

Thứ tư, chánh thanh tra cấp bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Tổng



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

cục trưởng Tổng cục Phòng chống thiên tai, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Cục trưởng Cục Tồn trữ vô tuyến điện, Cục trưởng Cục Viễn thông, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Cục trưởng Cục Báo chí, Cục trưởng Cục Xuất bản, in và phát hành, Cục trưởng Cục Quản lý dược, Cục trưởng Cục Quản lý khám, chữa bệnh, Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế, Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Cục trưởng Cục An toàn vệ sinh thực phẩm ngoài việc được áp dụng các quyền như trường đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ còn được phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa; phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo; đồng thời có quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (không quy định giá trị tối đa).

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2021./.

Chú thích:

(*) Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2014.



Ủy ban Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026 thành phố Tuyên Quang tổ chức họp triển khai công tác chuẩn bị bầu cử

Tuyên Quang: Ban hành kế hoạch tiếp công dân đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ bầu cử

Nhằm nâng cao hiệu quả tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; không để các vụ khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp xảy ra trong các ngày diễn ra bầu cử, ngày 23/4/2021, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND về tổ chức tiếp công dân đảm bảo an ninh, trật tự phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

Theo kế hoạch, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, các huyện, thành phố thuộc tỉnh phải đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với Trụ sở Tiếp công dân Trung ương. Bên cạnh đó, nắm chắc tình hình, tích cực, chủ động xử lý kịp thời các tình huống khiếu kiện phức tạp, tập trung đông người đến trụ sở các cơ quan của tỉnh và về Trung ương khiếu kiện.

Trong đó, Thanh tra tỉnh phải kiểm tra, rà soát tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn, thống kê các vụ việc tồn đọng, kéo dài, xác định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết để hướng dẫn, đôn đốc giải quyết kịp thời, đúng quy định; phân loại, đề xuất phương án giải quyết đối với các vụ việc phức tạp; báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Thanh tra tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, cơ quan, đơn vị liên quan, UBND huyện, thành phố nắm chắc tình hình khiếu kiện và những địa bàn, vụ việc có thể xảy ra khiếu kiện đông người để kịp thời báo cáo, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, không để phát sinh "điểm nóng". Tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao tại Văn bản 809/UBND-TCD ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh về việc giải quyết các vụ việc tồn đọng, kéo dài; theo dõi, nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo mới phát sinh để kịp thời xem xét, giải quyết. Đồng thời, phối hợp với Ban Tiếp công dân tỉnh tổ chức tốt việc tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh.

Ngoài ra, cơ quan Thanh tra tỉnh còn chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nội dung kế hoạch này; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Thanh tra Chính phủ, Ban Tiếp công dân Trung ương, các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa



bàn tình trong việc giải quyết, xử lý khi có đoàn đông người về tỉnh, về Trung ương khiếu kiện.

UBND tỉnh cũng phân công Văn phòng UBND tỉnh bố trí công chức thường xuyên trực tại Trụ sở tiếp công dân của tỉnh; nắm chắc tình hình, phối hợp chặt chẽ với Ban Tiếp công dân Trung ương về tình hình công dân của tỉnh tập trung khiếu kiện, kịp thời đề xuất UBND tỉnh phương án giải quyết. Báo cáo, đề xuất với lãnh đạo UBND tỉnh các vụ việc phức tạp, tham mưu chỉ đạo giải quyết theo quy định; phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND huyện, thành phố thực hiện việc tiếp công dân theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp công dân tụ tập đông người trước trụ sở các cơ quan của tỉnh để khiếu kiện, kịp thời thông báo đến các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động công dân về Trụ sở Tiếp công dân tỉnh để tiếp, hướng dẫn, giải thích, đối thoại với công dân.

Đối với cơ quan Công an tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc theo dõi, nắm chắc tình hình, diễn biến khiếu kiện ở các địa phương, dự báo các tình huống phức tạp có thể xảy ra; thu thập, củng cố chứng cứ, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những người lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo kích động khiếu kiện đông người, gây rối trật tự công cộng theo quy định của pháp luật. Bố trí lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự tại Trụ sở Tiếp công dân của tỉnh, huyện; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan có biện pháp xử lý, giải quyết các trường hợp tụ tập khiếu kiện trước trụ sở các cơ quan, đơn vị của tỉnh.

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh./.

Kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân năm 2021

Mới đây, Bộ trưởng Bộ Công an Tô Lâm đã ký ban hành kèm theo Quyết định số 2627/QĐ-BCA-V03 kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Công an nhân dân (CAND) năm 2021.

Kế hoạch nhằm xem xét, đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (công an các đơn vị, địa phương) và thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an về công tác quản lý, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phát hiện những hạn chế, vướng mắc, bất cập, sai sót, vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, qua đó kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp xử lý, khắc phục góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong CAND.

Kế hoạch đưa ra 3 nội dung kiểm tra gồm: Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; kiểm tra việc áp dụng pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính.

Đoàn kiểm tra tiến hành nghiên cứu kiểm tra hồ sơ, trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế, xác minh các thông tin, tài liệu; kết quả thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra; trong quá trình kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra hoặc người được ủy quyền tiến hành lập biên bản để tiến hành xác nhận việc thu thập, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và ký xác nhận biên bản kiểm tra ngay sau khi kết thúc cuộc kiểm tra.

Công an các đơn vị, địa phương nơi tiến hành kiểm tra có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra và gửi báo cáo kết quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính về Bộ Công an (qua

Cục V03); báo cáo; cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của đoàn kiểm tra trong kết luận kiểm tra; chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

Thành phần tham dự tại công an các đơn vị, địa phương tiến hành kiểm tra bao gồm: Đại diện lãnh đạo công an đơn vị, địa phương, lãnh đạo phòng tham mưu, lãnh đạo tổ chức pháp chế và lãnh đạo các đơn vị có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

Đoàn kiểm tra tại các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phần đoàn kiểm tra gồm: Lãnh đạo Bộ làm trưởng đoàn; lãnh đạo Cục V03, phó trưởng đoàn; lãnh đạo V01, C02, C04, C06, C07, C08, X05 thành viên. Trường hợp lãnh đạo Bộ không tham gia đoàn kiểm tra thì có thể ủy quyền cho Cục trưởng Cục V03 làm trưởng đoàn.

Đoàn kiểm tra tại công an cấp huyện, thành phần gồm: Lãnh đạo Cục V03 làm trưởng đoàn; lãnh đạo cấp phòng thuộc V01, C02, C04, C06, C07, C08, X05 thành viên; đại diện lãnh đạo phòng phụ trách công tác pháp chế của công an cấp tỉnh.

Đoàn kiểm tra tại công an cấp xã, thành phần gồm: Lãnh đạo Cục V03 làm trưởng đoàn; lãnh đạo cấp phòng thuộc V01, C02, C04, C06, C07, C08, X05 thành viên; đại diện lãnh đạo phòng phụ trách công tác pháp chế của công an cấp tỉnh.

Công an các đơn vị, địa phương căn cứ kế hoạch này để xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại đơn vị, địa phương theo hệ lực lượng, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch này về Bộ (qua Cục V03) theo quy định của pháp luật./.

Đỗ Quyền



Tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan thanh tra Cộng hòa Pháp

 **Đinh Lương Minh Anh**

Bắt nguồn từ thời kỳ Sác-lơ-ma-nơ (742 (hoặc 747) - 814), thiết chế thanh tra được định nghĩa là những người được nhà vua cử đi để theo dõi việc áp dụng pháp luật, bảo đảm sự thống nhất trên toàn lãnh thổ. Sau đó, đến đầu thế kỷ 19, một hình thức thanh tra khác được thiết lập, vừa kế thừa chế độ trách nhiệm cũ (giám sát để bảo đảm việc thực thi công vụ), thanh kiểm tra nền tài chính công (thanh tra tài chính được thiết lập vào năm 1814), đồng thời theo dõi, giám sát chất lượng dịch vụ (thanh tra giáo dục thiết lập vào năm 1802). Bộ máy thanh tra Pháp đã gia tăng về số lượng vào thế kỷ 19 và thế kỷ 20. Thẩm quyền của thanh tra viên đã phát triển theo thời gian, đặc biệt trong ba mươi năm trở lại đây. Một mặt, thanh tra có trách nhiệm giám sát việc thực thi các đạo luật do Chính phủ và các bộ ban hành, mặt khác bảo đảm sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy định, quy chế về tài chính, thuế khóa trong hoạt động hành chính. Hiện nay, thanh tra giữ vai trò quan trọng trong trách nhiệm đánh giá tính hợp lý, đúng đắn của thể chế, chính sách, đồng thời đóng góp ý kiến liên quan cải cách hành chính. Thanh tra độc lập trong việc thực thi trách nhiệm nhưng đồng thời gắn kết với bộ máy hành chính trong cơ cấu tổ chức (cơ quan thanh tra trực tiếp thuộc một bộ hoặc nhiều bộ). Vì vậy, tổ chức thanh tra có cơ chế làm việc đặc biệt và linh hoạt phù hợp với những chức năng mà họ được giao. Chúng ta có thể chia tổ chức thanh tra thành hai nhóm chính: Nhóm một có trách nhiệm quan trọng hơn nhóm hai, là thanh tra liên bộ (hoạt động thanh tra liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực như: Thanh tra hành chính,



Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

thanh tra tài chính, thanh tra các vấn đề xã hội); nhóm hai có số lượng đông đảo hơn là thanh tra chuyên trách của một bộ (quốc phòng, tư pháp, giáo dục, môi trường).

Cơ cấu tổ chức bộ máy thanh tra

Ở Pháp, ba cơ quan thanh tra lớn có thẩm quyền thanh tra liên bộ/liên ngành, gồm: Thanh tra chung về hành chính, thanh tra tài chính, thanh tra chung về các vấn đề xã hội. Trong thực tế, tùy thuộc vào tầm quan trọng của vấn đề phải xử lý, một đoàn thanh tra sẽ bao gồm các thanh tra viên đến từ hai trong ba cơ quan trên, bên cạnh sự tham gia của các thanh tra bộ chuyên trách. Trong ba cơ quan kể trên, cơ quan lâu đời nhất, quyền lực đáng kể nhất, được biết đến nhiều nhất là cơ quan thanh tra tài chính (IGF: Inspection générale des finances), đặt dưới quyền chỉ đạo trực tiếp

của một hoặc các bộ phụ trách các lĩnh vực kinh tế và tài chính. IGF có thẩm quyền rất rộng bao gồm cả kiểm tra, kiểm toán, nghiên cứu, tham mưu và đánh giá các hoạt động hành chính, kinh tế, tài chính. Thủ trưởng IGF quản lý bộ máy thanh tra và phân công nhiệm vụ cho các thành viên, phục vụ sự chỉ đạo của Thủ tướng và cả các bộ khác, đặc biệt trong vấn đề nghiên cứu và đánh giá đối tượng bị thanh tra. Phần lớn nhiệm vụ của IGF được đặt trong những chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc kiểm toán do IGF tự thiết kế hoặc đề xuất bởi các ủy ban kiểm soát nội bộ của bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực kinh tế và tài chính. Tính chất liên bộ/liên ngành của IGF xuất phát từ việc tất cả hoạt động thực thi công vụ của Nhà nước, các cơ quan Trung ương, cơ quan tản quyền địa phương của tất cả các bộ, các hoạt động



thuế khóa, ngân sách công nói chung đều đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của IGF ở góc độ tài chính. Để đảm bảo cho những nhiệm vụ rất lớn này, IGF được trao mọi quyền điều tra tại chỗ và trên văn bản. Theo truyền thống, ngay từ những thời điểm khởi thủy của ngành Thanh tra, các thanh tra viên khi mới bắt đầu sự nghiệp đều được phân công đi đến từng cơ quan, địa phương để kiểm tra trực tiếp tại chỗ các khoản thu, khoản chi của Nhà nước, nhằm kiểm soát hoạt động của các cơ quan tân quyền của Bộ Tài chính.

Được thành lập từ năm 1848 nhưng được đặt tên giống với tên gọi hiện tại vào năm 1948, thanh tra chung về hành chính (IGA: Inspection générale de l'administration) trực thuộc Bộ Nội vụ. Những nhiệm vụ đầu tiên của cơ quan này được quy định có chút tương đương với IGF (thẩm quyền chung trong việc thanh tra, kiểm toán, nghiên cứu, tham mưu và đánh giá hoạt động của các cơ quan Trung ương và cơ quan tân quyền thuộc Bộ Nội vụ), nhưng đối tượng thanh tra còn được mở rộng ra cả các cán bộ, công chức, cơ quan, tổ chức đơn vị chịu sự kiểm soát của quận trưởng^(*). Ngay cả khi những đối tượng này đang chịu sự kiểm tra của một cơ quan thanh tra hoặc thanh tra chuyên ngành khác, IGA cũng có thể giám sát việc đánh giá hiệu lực, hiệu quả của các chính sách công, đào tạo và hợp tác quốc tế. Chính quyền địa phương, các quý, hội, cơ quan, tổ chức quốc tế cũng chịu sự giám sát của IGA.

Từ sự hợp nhất của nhiều cơ quan thanh tra chuyên ngành vào năm 1967, thanh tra chung về các vấn đề xã hội (IGAS: Inspection générale des affaires sociales) trực thuộc các bộ phụ trách các vấn đề xã hội (y tế, an sinh xã hội, bảo hiểm, gia đình, việc làm, đào tạo chức nghiệp). Mặc dù vậy, IGAS cũng có thể nhận chỉ đạo trực tiếp từ Thủ tướng trong một số trường hợp. Chức năng của IGAS cũng được quy định rất rộng (nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, đánh giá, tham mưu...).

So với các tổ chức thanh tra liên bộ/liên ngành, với thẩm quyền cụ thể hơn, số lượng thanh tra bộ cũng lớn hơn rất nhiều. Trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo,

bên cạnh thanh tra chung về giáo dục quốc gia phụ trách đào tạo còn có Thanh tra về quản lý giáo dục và nghiên cứu quốc gia - cơ quan phụ trách giám sát hoạt động của toàn bộ các cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Tương tự, Bộ Quốc phòng có thanh tra chung về hoạt động quốc phòng (mà chức năng cũng rất rộng, gần như tương đương với cơ quan thanh tra liên bộ/ngành), thanh tra về y tế quốc phòng. Tổng số nước Pháp có 27 cơ quan thanh tra hành chính với khoảng 2.000 công chức, chiếm khoảng 0,01% tổng số công chức làm việc trong bộ máy Nhà nước.

Chế định pháp lý của bộ máy thanh tra

Chất lượng và tính hiệu quả trong hoạt động thanh tra chủ yếu phụ thuộc vào hai yếu tố: Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của thanh tra viên và sự độc lập trong việc thực thi công vụ. Đây là hai yếu tố cơ bản được đặc biệt nhấn mạnh trong chế định kiểm soát nội bộ ở các doanh nghiệp tư nhân. Các doanh nghiệp quy mô nhỏ hoặc chủ động không thiết lập cơ chế kiểm soát nội bộ, buộc phải sử dụng các dịch vụ thanh tra kiểm tra, kiểm toán và tư vấn từ bên ngoài. Hai yếu tố then chốt bảo đảm cho hoạt động thanh tra thực tế được cụ thể hóa bằng các công cụ chính sách, pháp luật. Ví dụ trong công tác tuyển dụng nhân sự ngành Thanh tra, nước Pháp tuân thủ theo những nguyên tắc sau: Đối với ba cơ quan thanh tra liên bộ/ngành (IGF, IGA và IGAS), công chức ứng tuyển chủ yếu đến từ Học viện Hành chính quốc gia. Phần lớn các thanh tra viên đều bắt đầu chức nghiệp từ khi còn rất trẻ. Tuy nhiên, "sự hấp dẫn của nghề thanh tra" đến từ việc, thanh tra viên có thể có nhiều cơ hội được giao phó những trách nhiệm ở các cấp khác (nhất là thông qua quy trình luân chuyển, biệt phái), được xem như cơ hội để rèn giũa, bồi dưỡng kỹ năng trước khi quay lại đảm trách nhiệm vụ thanh tra. Tuy nhiên, để đa dạng hóa nguồn nhân lực, khoảng 1/4 đến 1/3 thành viên, tùy thuộc vào các cơ quan thanh tra, được tuyển dụng từ các công chức có tuổi đời cao hơn, có kinh nghiệm hơn và được đào tạo từ những cơ sở, đơn vị khác. Cụ thể, IGAS luôn bắt buộc duy trì ít nhất 10% cán bộ công chức là tiến sĩ ngành y hoặc được 4%

là cựu thanh tra lao động. Hoạt động tuyển dụng công chức được thực hiện bởi hội đồng tuyển dụng để đánh giá năng lực ứng viên, sau đó sẽ đề xuất với bộ trưởng (hoặc các bộ trưởng) chủ quản để phê duyệt và bổ nhiệm chính thức. Thông thường, các bộ trưởng không có ý kiến với đề xuất của hội đồng tuyển dụng; trong trường hợp có sai sót trong việc đánh giá phẩm chất, năng lực, Hội đồng Nhà nước có thể tiến hành hủy kết quả và việc bổ nhiệm.

Thanh tra bộ chủ yếu tuyển dụng những công chức thông thường nhưng có kinh nghiệm (thậm chí, trong một số trường hợp, ứng viên còn có thể là người đến từ khu vực tư). Lĩnh vực của cơ quan thanh tra bộ sẽ quyết định những cá nhân nào có điều kiện để ứng tuyển, yêu cầu thâm niên kinh nghiệm ra sao. Tương tự với thanh tra liên bộ/ngành, thông thường các bộ trưởng phê duyệt đề xuất của hội đồng tuyển dụng, chỉ trừ một số trường hợp Hội đồng Nhà nước can thiệp khi phát hiện thấy sai sót.

Chúng ta nhận thấy rằng những bảo đảm pháp lý kể trên không chỉ hướng đến tuyển dụng những thanh tra viên có năng lực chuyên môn tốt trong tương lai, mà còn giảm thiểu những nguy cơ tiêu cực, thiên vị, thân hữu; điều này càng quan trọng hơn nếu biết rằng thu nhập của thanh tra viên được xếp vào hàng cao nhất trong số các công chức. Báo chí đã đề cập đến một số trường hợp mà bộ máy hành pháp bỏ nhiệm chức vụ cho một số công chức dựa trên yếu tố thân hữu, mặc dù những người được bổ nhiệm hoàn toàn thỏa mãn các tiêu chuẩn về kinh nghiệm, năng lực... Các cơ quan thanh tra rõ ràng cần có sự độc lập, không chịu áp lực chính trị hay bất kỳ áp lực nào khác. Tính độc lập là bảo đảm quan trọng cho hiệu quả thực thi công vụ thanh tra. Ở Pháp, từ trước tới nay, sự độc lập được cụ thể hóa bằng một quy trình tự quản lý khép kín, chặt chẽ của từng cơ quan thanh tra.

Kế hoạch công tác của các cơ quan thanh tra phụ thuộc vào chỉ đạo của các bộ trưởng hoặc Thủ tướng. Nhưng một phần lớn kế hoạch trong năm được quyết định bởi chính thủ trưởng cơ quan thanh tra trên cơ



sở thảo luận và tham vấn với các thanh tra viên trong bộ máy. Thực tế, cơ quan thanh tra chủ yếu tự quyết định về những vấn đề cần tiến hành thanh kiểm tra. Tuy nhiên, các báo cáo thanh tra chỉ được gửi đến thành viên của Chính phủ, những người sẽ quyết định công khai báo cáo hay không, cũng như đưa ra những quyết nghị sau đó về cải cách một nội dung trong quản lý hành chính, hoặc trong một số trường hợp tiến hành kỷ luật công chức mắc sai phạm. Địa vị pháp lý của các cơ quan thanh tra quyết định đến con đường chức nghiệp của các thanh tra viên một cách khá rõ ràng. Phần lớn các cơ quan thanh tra bộ chỉ có khoảng vài chục thành viên. Việc thăng tiến trong sự nghiệp công chức căn cứ một mặt dựa vào thâm niên công tác. Mặt khác, trong mỗi cơ quan thanh tra có ban nhân sự nội bộ, đơn vị sẽ đưa ra những kiến nghị với các bộ trưởng có thẩm quyền liên quan cơ quan thanh tra đó về việc thay đổi ngạch, bậc.

Tất cả những yếu tố kể trên bao gồm: Số lượng công chức ít, thu nhập cao, tuyển dụng độc lập, quá trình thăng tiến dựa vào số năm công tác... góp phần hướng tới tính độc lập (và cả sự uy tín) của các cơ quan thanh tra bộ và liên bộ.

Phương thức hoạt động của bộ máy thanh tra

Sự đa dạng và đa lĩnh vực trong hoạt động thanh tra khiến chúng ta khó có thể đưa ra những phân tích cụ thể về một phương pháp chung cho hoạt động thanh tra: Hiển nhiên việc kiểm tra chu trình ngân sách sẽ không thực hiện cùng một phương pháp với quy trình đánh giá chính sách công. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể đưa ra một số nhận định căn cứ trên thực tiễn hoạt động.

Thứ nhất, mỗi cơ quan thanh tra tự ban hành một hay nhiều cuốn sổ tay hướng dẫn công tác hoặc bộ tiêu chuẩn phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Điều này hướng tới bảo đảm tính thống nhất trong phương thức làm việc của bộ máy thanh tra, mặt khác được xem là một cách công khai cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực công nắm được thông tin bởi họ có thể trở thành đối tượng bị thanh tra ở một thời điểm nào đó.

Thứ hai, công việc thanh tra thường xuyên được thực thi dưới sự kết hợp giữa các thành viên của hai đến ba cơ quan thanh tra. Ngay cả khi một vụ việc nhỏ chỉ được giao cho một cơ quan thanh tra duy nhất, nhiệm vụ luôn được thực thi bởi ít nhất hai thanh tra viên được thủ trưởng cơ quan thanh tra chỉ định để có sự bổ sung, hỗ trợ nhau trong công tác. Bên cạnh đó, các thanh tra viên luôn được sự hỗ trợ thường xuyên của các công chức cấp dưới trực thuộc.

Thứ ba, các đoàn thanh tra tập trung vào việc thu thập thông tin thông qua các cuộc điều trần trực tiếp hoặc bằng văn bản, không giới hạn về đối tượng được quyền cung cấp thông tin liên quan cho thanh tra viên.

Thứ tư, thanh tra viên luôn luôn có quyền mở rộng phạm vi điều tra, “tấn công” vào bất kỳ cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính ở các cấp địa phương, tiếp cận tất cả tài liệu, cũng như thẩm tra tất cả những nhân vật được cho là cần thiết. Việc cản trở công tác của đoàn thanh tra trong nhiều trường hợp có thể bị xem xét xử lý hình sự.

Thứ năm, đoàn thanh tra khi có những phát hiện hay nghi vấn về sai phạm có thể tiến hành thủ tục theo hình thức đối thoại công khai trực tiếp: Một báo cáo sơ bộ được gửi đến cho đối tượng bị thanh tra và dựa trên đó, đối tượng bị thanh tra được yêu cầu trình bày luận điểm của mình trước đoàn thanh tra trước khi đoàn đưa ra báo cáo tổng kết (báo cáo này có đề cập đến những luận điểm “bào chữa” từ đối tượng bị thanh tra hoặc sẽ giải thích vì sao những “bào chữa” này bị loại bỏ).

Cuối cùng, hiệu quả hoạt động của đoàn thanh tra được đảm bảo bởi một số quy định khác. Ví dụ, mặc dù theo nguyên tắc, tổ chức đoàn thanh tra được chuẩn bị và thông báo trước, nhưng một số vụ việc thanh tra có thể được thực hiện đột xuất. Các kết quả thanh kiểm tra luôn được gửi đến thủ trưởng cơ quan là đối tượng bị thanh tra để tiếp thu các ý kiến, khuyến nghị được tổng kết và đề xuất trong kết luận thanh tra. Việc nghiên cứu và thực hiện các khuyến nghị thanh tra cũng được cơ quan

thanh tra coi trọng và giám sát thường xuyên (nhiều cơ quan thanh tra có ban chuyên trách theo dõi giám sát thi hành khuyến nghị và kết luận thanh tra).

Kết luận

Những phân tích trên đây không nhằm đi sâu vào cụ thể và toàn diện, chi tiết về công tác thanh tra được thực hiện bởi thanh tra bộ và thanh tra liên bộ. Chúng ta có thể đưa ra hai nhận định cơ bản sau:

Một là, các cơ quan thanh tra thực thi nhiệm vụ của mình đối với những vấn đề cụ thể, phạm vi hẹp và có yếu tố kỹ thuật, chuyên môn đặc thù, đồng thời cả những chính sách công mang tầm vĩ mô.

Hai là, không thể phủ nhận sự hữu ích của công tác thanh tra: Rõ ràng có không ít những cải cách thể chế hành chính và bộ máy được thực hiện dựa trên căn cứ là các báo cáo, kết luận thanh tra; vai trò được đề cao của bộ máy thanh tra khiến các công chức, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải dè dặt và cẩn trọng trong hoạt động của mình, bởi luôn áy náy việc trở thành đối tượng bị thanh tra. Các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế cũng có thể tìm đến cơ quan thanh tra như một địa chỉ đáng tin cậy cho những vấn đề giữa họ và chính quyền./.

Chú thích:

(*) *Tại Pháp, quận trưởng là một công chức cao cấp có nhiệm vụ được quy định tại Điều 72 Hiến pháp nền Cộng hòa thứ 5: “Là người đại diện cho Nhà nước ở các thiết chế phân quyền địa phương của nền Cộng hòa, đại diện cho các thành viên Chính phủ, nhân danh lợi ích quốc gia thực hiện quyền giám sát hành chính và tuân thủ pháp luật”.*

ĐÍNH CHÍNH

Do sơ suất, Tạp chí Thanh tra số 04/2021 tại chân các trang từ trang 3 đến trang 55 ghi “TẠP CHÍ THANH TRA SỐ 04/2024”, nay xin được đính chính là “TẠP CHÍ THANH TRA SỐ 04/2021”.

Tạp chí Thanh tra xin chân thành cáo lỗi độc giả.

Tạp chí Thanh tra